|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**  –––––––––––  Số:   /BC-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  **––––––––––––––––––––––––**  *Long Thành, ngày tháng 10 năm 2022* |

**“Dự thảo”**

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng nai.**

–––––––––––––––––––

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Căn cứ Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/05/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai quyết định ban hành bộ tiêu chí xã Nông thôn mới nâng cao nâng cao giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Hướng dẫn 01/BCĐ-VPĐP ngày 01/3/2017 của Ban chỉ đạo NN-ND-NT&XDNTM tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện các tiêu chí của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ văn bản số 83/BCĐ-VPĐP ngày 6/7/2018 của Ban chỉ đạo Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai về việc Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Văn bản số 2699/UBND-KTN ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc tiếp tục triển khai thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2022 trên địn bàn tỉnh;

Trên cơ sở đề nghị của UBND xã Phước Bình tại Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 24/10/2022 về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Phước Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Phước Bình do các phòng, ban phụ trách. UBND huyện Long Thành báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Lộc An, cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 22/10/2021 đến ngày 31/10/2022):

**1. Về hồ sơ:**

Trong quá trình thực hiện xây dựng hoàn thành 19 tiêu chí nông thôn mới nâng cao, UBND xã Phước Bình đã lập, hoàn chỉnh hồ sơ đánh giá đối với từng tiêu chí XDNTM trên địa bàn đúng theo yêu cầu, được thể hiện rõ gồm:

- Biên bản cuộc họp của UBND xã Phước Bình đề nghị xét, công nhận xã Long Đức đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 (bản chính).

- Báo cáo của UBND xã Phước Bình về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

- Báo cáo của UBND xã Phước Bình tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 của xã Lộc An (bản chính).

- Báo cáo của UBND xã Phước Bình về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 trên địa bàn xã (bản chính).

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Phước Bình.

**2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Trên cơ sở nội dung Nghị quyết số 01-NQ/BTVHU ngày 25/9/2015 của Ban Thường Vụ huyện Ủy Long Thành về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Long Thành, Nghị quyết số 26-NQ/HU ngày 13/6/2016 của Huyện ủy Long Thành về xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn huyện Long Thành, Nghị quyết số 142-NQ/HU ngày 17/12/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới nâng cao năm 2020 trên địa bàn huyện, Đảng ủy xã đã ban hành các Nghị quyết Nghị quyết số 18-NQ/ĐU ngày 24/5/2017 về lãnh đạo thực hiện Bộ tiêu chí Nông thôn mới nâng cao xã Phước Bình giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 12/4/2021 của UBND xã về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2021 trên địa bàn xã Phước Bình; Nghị quyết số 11-NQ/ĐU ngày 23/12/2022 Nghị Quyết của Ban Chấp Hành Đảng Bộ xã Phước Bình (khóa VI) về lãnh đạo Đảng bộ xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí nâng cao của tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 05/03/2022 của UBND xã về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2022 trên địa bàn xã Phước Bình.

**3.** Xã Phước Bìnhđược UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 theo Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 06/11/2016.

**4. Về Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.**

Tổng số tiêu chí xã tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

**4.1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt được công bố công khai đúng thời hạn: Đạt

+ Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch: Đạt

-Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh

+ Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch.

+ Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn mới (hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới) mà không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm theo quy định.

**b). Kết quả thực hiện:**

Căn cứ Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ công văn số 4635/UBND-NN ngày 05/6/2018 của UBND huyện Long Thành về việc thực hiện Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020;

**Tiêu chí 1.1. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch:**

- Có lập Đồ án quy hoạch Nông thôn mới theo quy định tại Thông tư  
liên tịch số 13/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 28/10/2011 của Bộ NN & PTNT, Bộ Kế hoạch Đầu tư và Bộ Tài chính.

- Có lập Đề án quy hoạch Nông thôn mới theo quy định.

- Niêm yết công khai các bản vẽ quy hoạch để người dân biết, thực hiện.

- Có quy chế quản lý quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, công bố quy hoạch.

- Công bố, công khai các nội dung điều chỉnh được để người dân biết và thực hiện.

+ Về công tác lập quy hoạch chung xây dựng xã Phước Bình theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Tiến độ đáp ứng hồ sơ đã được UBND huyện phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch chung xây dựng xã Phước Bình, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030 tại Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 02/03/2020 của UBND huyện Long Thành.

- Hồ sơ đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 09/4/2021.

- Tờ trình 176/TTr-UBND ngày 14/10/2021 V/v thẩm định nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Phước Bình, huyện Long Thành giai đoạn đến năm 2025 và dài hạn đến năm 2030.

- Hồ sơ đồ án quy hoạch đang thảo luận dự kiến sẽ trình UBND Huyện phê duyệt đồ án trong quý IV năm 2021.

- Có hồ sơ phê duyệt được lưu trữ tại UBND xã.

**Tiêu chí 1.2. Không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn (hoặc quy hoạch xây dựng nông thôn mới) mà không thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm theo quy định.**

Qua rà soát cùng Phòng Quản lý đô thị huyện xác nhận trên địa bàn xã Phước Bình không có các trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về Quy hoạch xây dựng trên địa bàn. (Có kèm biên bản xác nhận của Phòng Quản lý đô thị).

UBND xã thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn nhắc nhở việc chấp hành Quy định về quản lý quy hoạch chung xây dựng theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt.

Kinh phí thực hiện lập quy hoạch chung xây dựng tại xã Phước Bình với nguồn vốn 382.181.365đồng, từ nguồn Ngân sách huyện.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện:** Kết quả thực hiện tiêu chí số 1: **Đạt**.

**4.2. Tiêu chí số 2: Giao thông:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Tỷ lệ % nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường huyện quản lý trên địa bàn xã, đạt 100%.

+ Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt 100%.

+ Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT, đạt 100%.

+ Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đạt 100%.

+ Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện (xã không có).

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh

+ Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT

+ Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT

+ Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT

+ Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo "Sáng, xanh, sạch, đẹp"

+ Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo "Sáng, xanh, sạch, đẹp"

+ Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**1. Chỉ tiêu 2.1 - Tỷ lệ km đường trục thôn xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn Bộ GTVT:***(theo tiêu chí phải đạt 100%)*

- Chỉ tiêu 2.1 có 44/44 tuyến đường thôn xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa (đã trừ những tuyến đường chủ yếu người dân sử dụng vận chuyển và đi lại sản xuất nông nghiệp không có nhà ở và một số tuyến đường nằm trong dự án quy hoạch phải thu hồi đất cụ thể là khu công nghiệp, cụm công nghiệp, mỏ đá, đường cao tốc...) với chiều dài 22,156km/22,156km, đạt 100%.

**2. Chỉ tiêu 2.2 - Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT:** *(theo tiêu chí phải đạt* ≥*70%)*

- Chỉ tiêu 2.2 có 92/92 tuyến đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa với chiều dài 19,841/27,474km bêtông, đạt 72,2%, phần còn lại được duy trì cứng hóa theo quy định.

**3. Tiêu chí 2.3 - Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT:** có0,5/0,5km đạt 100%.

**4. Tiêu chí 2.4 - Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn, xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp” (đạt 100%).**

- Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã: Có 3 tuyến, dài 9,56km.

- Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm: Có 44 tuyến, dài 22,156km.

Sau khi thực hiện nhựa hóa, bê tông hóa hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã. UBND xã Phước Bình đã tiến hành triển khai việc thắp sáng các tuyến đường nhằm đảm bảo cho việc đi lại của bà con được đảm bảo an toàn và an ninh trật tự được đảm bảo trong cộng đồng nhân dân sinh sống. Tuyên truyền vận động bà con dọn dẹp vệ sinh trên tuyến đường mình đang sinh sống đảm bảo môi trường sạch sẽ, thông thoáng. Tổng chiều dài đèn chiếu sáng được lắp đặt 31,716km/31,716km, 47/47 tuyến đường và 952 bóng đèn, do nhân dân tự đầu tư, lắp đặt.

Đánh giá chỉ tiêu 2.4 đạt tỷ lệ 100% (31,716km/31,716km, 47/47) theo yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

**5. Chỉ tiêu số 2.5 - Tỷ lệ km xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp” (đạt>=70%)**

- Tỷ lệ km đường ngõ xóm: Có 92 tuyến, dài 27,474km

Sau khi thực hiện bê tông hóa và nhựa hóa hệ thống đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã. UBND xã Phước Bình đã tiến hành triển khai việc thắp sáng các tuyến đường nhằm đảm bảo cho việc đi lại của bà con được đảm bảo an toàn và an ninh trật tự được đảm bảo trong cộng đồng nhân dân sinh sống. Tuyên truyền vận động bà con dọn dẹp vệ sinh trên tuyến đường mình đang sinh sống đảm bảo môi trường sạch sẽ, thông thoáng. Hiện trên địa bàn xã đã thắp sáng được 19,841/27,474km, 51/92 tuyến đường ngõ xóm, với 562 bóng đèn, do nhân dân tự đầu tư, lắp đặt.

Đánh giá chỉ tiêu 2.5 đạt tỷ lệ 72,2% (19,841/27,474km) theo yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

**6. Chỉ tiêu số 2.6 - Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông**

Sau khi thực hiện nhựa hóa, bê tông hóa và cứng hóa hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã. UBND xã Phước Bình đã tiến hành xây dựng kế hoạch bố trí vốn hằng năm cho công tác bảo trì, duy tu, sửa chữa các tuyến đường trục xã, thôn xóm, ngõ xóm. Riêng các tuyến đường giao thông do huyện quản lý khi bị xuống cấp UBND xã có tờ trình đề nghị UBND huyện, phòng QLĐT huyện có kế hoạch bảo trì, duy tu, sửa chữa.

Chỉ tiêu **đạt** so với yêu cầu của tỉnh Đồng Nai ≥85%.

Kết quả thực hiện từ năm 2016 – 6 tháng 2022

Thực hiện được 25 tuyến đường, tổng chiều dài 8.640,58m, tổng số tiền đầu tư 11.874.439.390 đồng; Trong đó:

- Nguồn kinh phí tỉnh: 1.799.000.000 đồng.

- Nguồn kinh phí huyện: 3.979.797.000 đồng.

- Nguồn kinh phí xã: 1.805.340.879 đồng.

- Nguồn từ nhân dân đóng góp: 6.290.301.511 đồng.

**c)** **Đánh giá kết quả thực hiện:** Kết quả thực hiện tiêu chí số 2: Đạt.

**4.3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi :**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (đạt ≥80%).

+ Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ (Đạt).

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh

+ Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước kể cả nguồn nước ngầm)

+ Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa.

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tích cây trồng cạn trên địa bàn xã.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Hiện Tại trên địa bàn xã Phước Bình có công trình thủy lợi ,do xã không thành lập tổ chức quản lý khai thác, bảo vệ công trình,tỷ lệ kênh mương do xã quản lý được kiên cố hóa .Đối với chỉ tiêu hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu, phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh, theo đánh giá xã là đạt yêu cầu, thể hiện qua việc đạt chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp hàng năm huyện giao cho xã như cây lúa là 65ha ,diện tích nông nghiệp là 2.871,61ha hiện tại người dân tưới tiêu bằng các nguồn nước như dùng máy bơm để tưới đối với diện tích lúa, cây lâu năm là 1095ha ,nguồn nước tưới từ giếng khoan là 128 giếng cơ bản đáp ứng nhu cầu. Qua theo dỏi các năm trên địa bàn xã không xãy ra tình trạng thiếu nước sản xuất.

Tổng diện tích tự nhiên của xã là: 3.664,27ha, trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp 2.871,61ha – chiếm 78,36%; đất phi nông nghiệp 399,38ha – chiếm 10,89%. Diện tích tưới 169ha lúa, cây lâu năm, cây hàng năm. UBND xã thường xuyên tuyên truyền vận động các hộ dân dọc các dòng suối nạo vét đảm bảo độ thông thoáng trong mùa mưa.

Hiện trên địa xã không xảy ra tình trạng thiệt hại mùa màng do hạn hán và ngập úng gây ra, hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ dân sinh trên địa bàn xã.

Hàng năm, UBND xã đều có kế hoạch về phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã, bổ sung các trang thiết bị vật tư phòng chống bảo lụt, đảm bảo đủ điều kiện cần thiết, các phương án đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai bốn tại chỗ.

**Kết quả thực hiện công tác phòng chống thiên tai – tìm kiếm cứu nạn xã:**

Về tổ chức bộ máy: Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã được thành lập và kiện toàn hàng năm và phân công cụ thể trách nhiệm cho từng bộ phận và thành viên Ban chỉ huy phù hợp với tình hình địa phương.

Về nguồn nhân lực: Các cán bộ cấp xã được tham gia các lớp tập huấn về Phòng chống thiên tai do Tỉnh, huyện tổ chức như lớp “nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” do Chi cục Thuỷ lợi tỉnh tổ chức. Đội xung kích xã được thành lập, củng cố và duy trì hoạt động thường xuyên; người dân trên địa bàn xã, đặc biệt khu vực hay xảy ra thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai thông qua hệ thống đài phát thanh xã, các tờ rơi, tài liệu được phát về các ấp và dán tại nhà văn hoá ấp, khu vực đông dân cư qua lại.

Các hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai chủ động, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu dân sinh: xã xây dựng các kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Hàng năm, xã tự mua sắm và được Ban chỉ huy PCTT-TKCN huyện cấp các vật tư, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động phòng chống thiên tai, đáp ứng nhu cầu thực tế khi xảy ra sự cố thiên tai; tại các khu cũng được xã cấp phát các trang thiết bị cần thiết để dự phòng sự cố xảy ra.

Về cơ sở hạ tầng: Trong các quy hoạch được lồng ghép nội dung về phòng chống thiên tai, các cơ sở hạ tầng được xây dựng phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn an toàn. Có hệ thống phát thanh, bưu chính thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo về phòng chống thiên tai, được truyền tải đến toàn bộ dân cư trên địa bàn. Về thực thi pháp luật, trên địa bàn xã chưa xảy ra vụ vi phạm nào.

Theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020 tỉnh Đồng Nai:

+ Tỷ lệ diện tích đất được tưới để sản xuất nông nghiệp vào mùa khô từ các nguồn (trừ trường hợp thiếu nguồn nước kể cả nguồn nước ngầm) là (2.871,61/ 2.871,61ha) đạt 100%.

+ Tỷ lệ km kênh mương trên địa bàn xã được kiên cố hóa (so sánh với quy định đạt 100%.)

+ Tỷ lệ diện tích cây trồng được sử dụng kỹ thuật tưới nước tiết kiệm so với tổng diện tích cây trồng cạn trên địa bàn xã(so sánh với quy định Năm 2018: ≥ 35%, Năm 2019: ≥ 40%, Năm 2020: ≥ 45%) đạt.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện:** Đạt.

**4.4. Tiêu chí số 4: Điện.**

**a) Yêu cầu tiêu chí :**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

- Chỉ tiêu 4.1: Hệ thống điện đạt chuẩn (Đạt).

- Chỉ tiêu 4.2: Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn (Đạt **≥** 99%).

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch được duyệt ≥ 85%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Huyện uỷ, UBND huyện Long Thành. Đảng uỷ, UBND xã Phước Bình đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện các văn bản, hướng dẫn của tỉnh, huyện để tiếp tục giữ vững các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã. Thường xuyên tổ chức làm việc với các thành viên BCĐ của xã, các cán bộ chuyên môn, công chức phụ trách trên từng lĩnh vực, các ấp nhằm đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, vướng mắc từ đó đề xuất những giải pháp, phương hướng để tiếp tục chỉ đạo thực hiện đạt kết quả cao.

**1. Tiêu chí 4.1 - Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện:** Đạt : 100%. Trong đó:

**-** Đường dây trung thế dài: 28,47 km.

- Đường dây hạ thế 01 Pha dài: 29,96 km

- Đường dây hạ thế 03 Pha dài: 8,6 km

- Trạm biến áp: 35 trạm gồm 15 trạm biến áp 1 pha và 20 trạm biến áp 3 pha. Trong đó: 5187,5 KVA.

**2. Tiêu chí 4.2 - Tỷ lệ số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn:** Đạt : 100%.

Trong đó:

- Tổng số hộ dân sử dụng điện trên địa bàn xã: 4369/4104 hộ.

- Tỷ lệ số hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt: 4369/4104 hộ, do có 1 số gia đình làm nhà tách đất cho con nhưng chưa tách hộ khẩu và một số hộ dân ngoài địa phương xâm canh tại địa phương. Những hộ dân nêu trên xin bắt điện kế chính nên số hộ sử dụng điện tăng lên so với số hộ đăng ký hộ khẩu tại địa phương.

**\* Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu cho khu sản xuất, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản tập trung theo quy hoạch được duyệt ≥ 85%.**

**- Sản xuất:** Trên địa bàn xã không có quy hoạch khu sản xuất nông nghiệp.

**- Chăn nuôi:** Trên địa bàn xã không có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung.

**- Tiểu thủ công nghiệp:** Trên địa bàn xã không có quy hoạch khu tiểu thủ công nghiệp.

**- Thủy sản:** Trên địa bàn xã không có quy hoạch khu nuôi trồng thủy sản tập trung

**4.5. Tiêu chí số 5: Trường học:**

**a. Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

\* Tỷ lệ Trường học các cấp; mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.( 100%).

**b. Kết quả thực hiện:**

Toàn xã có 3/3 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất theo Bộ tiêu chí Nông thôn mới.

**\* Trường Mầm Non Phước Bình:**

- Trường Mầm non Phước Bình có 5 điểm trường.

Điểm chính tọa lạc tại Ấp 6 nằm trên trục đường chính của nằm ở trung tâm khu dân cư thuận lợi cho trẻ đến trường đảm bảo các quy định các an toàn và vệ sinh môi trường. Diện tích 3013 m2 có 07 phòng học với số trẻ là 140

Điểm thứ 2 tọa lạc tại ấp 1 diện tích 121 m2 hiện có 1 phòng học có 6 học sinh

Điểm thứ 3 tọa lạc tại ấp 4 với diện tích 1.151 m2 có 1 phòng học.

Điểm điểm thứ 4 tọa lạc tại ấp 5 diện tích 478 m2 hiện có 1 phòng học có 17 học sinh.

Năm học 2021-2022 có 09 lớp với 209 học sinh.

- Năm 2016 Trường được trang bị đồ dùng và đồ chơi ngoài trời 217.600.000 đồng.

- Năm 2018 trường được trang bị thiết bị vận động thông minh số tiền 538.878.000 đồng.

- Năm 2019 trường được trang bị thiết bị Smart Tivi với số tiền 97.541.000 đồng.

Điểm thứ 5 tọa lạc tại ấp 6 nằm trên trục đường chính của xã nên thuận lợi cho phụ huynh đưa trẻ đến trường. Trường được cấp kinh phí dự án theo Quyết định số 4275/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND huyện Long thành về Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Trường Mầm non Phước Bình là 40.497.864.513 đồng xây 14 phòng học và các phòng chức năng đạt chuẩn về cơ sở vật chất và đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Diện tích đất toàn trường là 10.000 m2, công trình xây dựng kiên cố, có cổng trường, biển tên trường mâm non Phước Bình, có hàng rào bao quanh. Có hệ thống thoát nước và nước sạch sử dụng. Công trình dự kiến được bàn giao vào tháng 7/2022.

Hiện trường đang tiến hành chuẩn bị các hồ sơ để thẩm định, công nhận đạt trường chuẩn quốc gia vào quí III/2022.

**\* Trường Tiểu học Phước Bình: Số điểm trường:** 02

Trường Tiểu học Phước Bình có 02 điểm trường, điểm chính tọa lạc tại ấp 6 với diện tích 10.000 m2 nằm trong khu trung tâm hành chính, dân cư, hệ thống giao thông thuận lợi cho học sinh đến trường và điểm trường lẻ tọa lạc tại ấp 2 với diện tích 2011m2.

Trường đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Diện tích đất của 02 trường là 12.011 m2; công trình xây dựng kiên cố; có cổng Trường, tên Trường có hàng rào bao quanh. Có hệ thống thoát nước và nước sạch sử dụng.

+ Điểm trường chính: Trường được cấp kinh phí dự án theo Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 11/8/2020 của UBND huyện Long thành về Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án Trường Tiểu học Phước Bình là 43.208.317.400 đồng.

+ Điểm trường lẻ (Phân hiệu Ấp 2): Trường được Ủy ban Nhân dân huyện chấp thuận việc sửa chữa, cải tạo theo công văn số 4712/UBND-KT ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc thực hiện sửa chữa, cải tạo các trường thuộc các xã Long Đức, Tân Hiệp, Phước Bình, Lộc An (Xã nông thôn mới nâng cao)

Tổng số học sinh NH; 2021-2022 của trường là: 813 học sinh. Trong đó: Điểm chính: 579 học sinh; điểm lẻ ấp 2: 234 học sinh.

\* Trường THCS Phước Bình:

+ Tọa lạc tại ấp 1 đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tốt cho việc dạy và học.

+ Trường được Công nhận Trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia năm 2009 tại Quyết định số 2158/QĐ-UBND ngày 03*/8/2*009 của UBND tỉnh Đồng Nai.

+Trường được cấp kinh phí sửa chữa, cải tạo theo quyết định số 4484/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 Quyết định V/v chủ trương đầu tư, dự án Sửa chữa, cải tạo các trường THCS trên địa bàn huyện năm 2021 (kèm Báo cáo số 384/BC-P.GD&ĐT ngày 15/4/2021 của Phòng Giáo dục – Đào tạo Long Thành về Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, cải tạo các trường THCS trên địa bàn huyện năm 2021) Trong đó trường THCS Phước Bình là: 3.352.875.000 đồng.

**c. Kết quả đánh giá :** So với quy định Bộ tiêu chí : Đạt

**4.6. Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 6.1. Xã có Nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã: Đạt.

+ Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Đạt.

+ Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao,phục vụ cộng đồng: 100%.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao học tập cộng đồng xã, nhà Văn hóa ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**1. Trung tâm VHTT-HTCĐ xã được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả.**

**1.1 Tiêu chuẩn 1: Cơ sở vật chất, trang thiết bị.**

- Đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014

- Có dụng cụ thể thao đơn giản trở lên cho người dân đến tham gia: xà đơn, xà đôi, tạ tay, bóng bàn, bóng rỗ, cầu lông, dây kèo co, bao bố…

**-** Có 03 dụng cụ trò chơi dành cho trẻ em: vợt cầu long, bao cát, dây nhảy.

**1.2 Tiêu chuẩn 2: Về bộ máy quản lý và trình độ cán bộ quản lý.**

- Về bộ máy quản lý:Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 và theo Nghị quyết số 139/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai

- Về trình độ cán bộ quản lý: Đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 và theo Nghị quyết số 139/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Đồng Nai

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức vụ** | **Công việc phụ trách tại TTVH** | **Ghi chú** |
| 01 | Cao Văn Phúc | PCT-UBND xã | Giám đốc TTVHTT-HTCĐ, phụ trách chung |  |
| 02 | Võ Tiến Danh | CC.VHXH | PGĐ TTVHTT-HTCĐ xã, phụ trách lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao |  |
| 03 | Nguyễn Thị Kim Lụa | CC.Tài chính-KT | Kế toán TTVHTT-HTCĐ xã |  |
| 04 | Phạm Thị Hạnh | CB.Văn thư | Thủ quỹ TTVHTT-HTCĐ xã |  |

**1.3 Tiêu chuẩn 3: Về tổ chức các hoạt động**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng tháng, quý hoặc năm và tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị trong năm 4 cuộc/ năm.

**-** Liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng trong năm 2 buổi/năm.

- Duy trì hoạt động thường xuyên 5 câu lạc bộ trong năm.

- Thư viện, phòng đọc sách, báo, trang bị 25 đầu sách.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động xây dựng gia đình văn hóa, liên hoan ấp, khu phố văn hóa, nếp sống văn hóa, bảo tồn văn hóa dân tộc (nhân Ngày Quốc tế hạnh phúc 20/3 và ngày GĐVH 28/6, ngày Đại đoàn kết toàn dân tộc 18/11; Ngày Thế giới xoá bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em 25/11 ….hàng năm.

- Thu hút nhân dân hưởng thụ và tham gia các hoạt động, sáng tạo văn hóa, khoảng 26 % tổng số dân.

- Tổ chức các hoạt động thi đấu thể dục, thể thao trong năm: 4 giải/năm

- Thu hút nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên: khoảng 26 %/tổng số dân.

- Thu hút trẻ em trên địa bàn dân cư tham gia hoạt động văn hóa, thể thao trong năm: Đạt 20% thời gian hoạt động.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Nhà văn hóa, khu thể thao ấp, khu phố hoạt động

Về việc tổ chức hoạt động: để đảm bảo cho việc tổ chức các hoạt động tại Trung tâm VHTT-HTCĐ xã, NVH các ấp. UBND xã đã thực hiện việc xây dựng các kế hoạch hoạt động theo từng quý, tháng, năm, kế hoạch hoạt động chuyên đề , các văn bản liên quan như báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng; báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động.

**2. Nhà văn hóa ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả**

**2.1 Tiêu chuẩn 1: Cơ sở vật chất, trang thiết bị.**

- Cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/03/2011 và Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30/5/2014, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các trang thiết bị có trong Nhà Văn hoá- Khu thể thao ấp.

- Có 4 dụng cụ thể thao đơn giản trở lên phục vụ nhân dân: bao bố, dây nhảy, tạ, bao cát, xà đơn 2 cấp.

- Có từ 03 trò chơi dành cho trẻ em: dây nhảy, vợt cầu lông, tạ, bao cát…

**2.2 Tiêu chuẩn 2: Về bộ máy quản lý và trình độ cán bộ.**

- Bộ máy quản lý đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/03/2011 và Nghị quyết số 139/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai gồm chủ nhiệm Nhà văn hóa là Trưởng ấp, Mặt trận ấp là Phó Chủ nhiệm.

- Trình độ cán bộđảm bảo theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/03/2011 **.**

**2.3 Tiêu chuẩn 3: Về tổ chức các hoạt động.**

- Xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã và tổ chức thực hiện.

- Có bảng tin, nội quy hoạt động.

- Tủ sách, tranh ảnh tuyên truyền phục vụ thiếu nhi có trên 15 đầu sách

- Hoạt động văn hóa văn nghệ thường xuyên: khoảng 31% / 10000 dân

- Hoạt động thể dục thể thao thường xuyê 25% /10000 dân.

- Có một số dụng cụ thể thao phổ thông và dụng cụ thể thao truyền thống phù hợp với địa phương: 6 nhà văn hóa ấp có trên 3 dung cụ: bao cát, tạ, bao bố…

- Hoạt động văn hóa, vui chơi, giải trí phục vụ cho trẻ em: trên 20% thời gian hoạt động

**c. Kết quả đánh giá :** So với quy định Bộ tiêu chí : Đạt

**4.7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Chợ đạt chuẩn chợ văn hóa theo chuẩn của tỉnh và không có tụ điểm kinh doanh tự phát trên địa bàn

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

Đến thời điểm hiện nay, xã Phước Bình có 01 chợ đó là chợ Phước Bình tại ấp 2 do công ty TNHH XD TM Đông Hải đầu tư và quản lý, đi vào hoạt động năm 2005 với tổng diện tích 1860 m2, gồm 204 ki ốt, 120 sạp, giám đốc là ông Nguyễn Thành Chơn (hiện nay ông Nguyễn Thành Chơn đang thụ án tù giam). Khi ông Chơn đang thụ án tù giam thì bà Nguyễn Thị Bé Sáu (vợ ông Chơn) tiếp tục điều hành, quản lý. Hiện nay không liên lạc được với bà Sáu, chợ không có ai đứng ra quản lý, điều hành, ban quản lý chợ không có, chợ không đạt chuẩn nông thôn mới.

Để đáp ứng yêu cầu quy định của tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Đồng Nai, ngày 03/11/2020 UBND huyện Long Thành đã ban hành Quyết định số 6575/QĐ-UBND điều chỉnh nội dung tại trang số 5, Điểm 2.6, Khoản b, Điều 1 tại Quyết định số 5050/QĐ-UBND ngày 08/10/2013 của UBND huyện Long Thành, theo đó nhiệm vụ được điều chỉnh là: kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện ích phục vụ nhu cầu mua sắm và trao đổi hàng hóa của người dân tại địa phương.

Trên cơ sở đó hiện nay trên địa bàn xã có Cửa hàng Bách Hóa Xanh cụ thể như sau:

\* Tên địa điểm kinh doanh: Địa điểm kinh doanh Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh – Cửa hàng Bách Hóa Xanh Đồng Nai số 85.

- Địa chỉ: Tổ 8, ấp 2, xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Thông tin về người đứng đầu:

Ông Nông Văn Dũng.

Số điện thoại: 02838125960

- Tổng diện tích Kinh doanh: 632, 0 m2

- Số lượng mặt hàng kinh doanh: 3.686 mặt hàng.

- Cửa hàng có đầy đủ các giấy tờ minh chứng như sau:

+ Bảng kê danh mục hàng hoá kinh doanh tại cửa hàng Bách Hoá Xanh.

+ Bảng kê trang thiết bị bảo quản hàng hóa, trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, trang thiết bị bảo vệ môi trường.

+ Thông báo thời gian hoạt động của cửa hàng Bách Hoá Xanh.

+ Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất.

+ Phụ lục danh sách nhóm sản phẩm kinh doanh.

+ Bản vẽ sơ đồ bố trí kệ tủ.

+ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mã số địa điểm kinh doanh 00089, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 03 năm 2020, nơi cấp: Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai.

+ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 07/GCNATTP-UBNDLT, nơi cấp: UBND huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cấp ngày: 22/6/2020.

+ Một số hình ảnh của Cửa Hàng Bách Hóa Xanh kèm theo.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện:** Kết quả thực hiện tiêu chí số 7: Đạt.

**4.8. Tiêu chí 8: Thông tin và Truyền thông**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính: Đạt.

+ Chỉ tiêu 8.2 Xã có dịch vụ viễn thông, Internet: Đạt.

+ Chỉ tiêu 8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn: Đạt.

+ Chỉ tiêu 8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành: Đạt.

+ Chỉ tiêu 8.5. Xã có điểm thông tin khoa học và công nghệ đạt chuẩn.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ Đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

+ Có hoạt động cung cấp thông tin khoa học công nghệ thông qua trang thông tin điện tử của địa phương đạt hiệu quả.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**+ Đảm bảo cung cấp tất cả dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 2 và có cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.**

**1. Công tác triển khai thực hiện:**

Thực hiện Công văn số 1879/UBND-HC về triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công thủ tục hành chính cho người dân qua đường bưu chính, viễn thông và công văn số 95/PTP  ngày 19/6/2017 của Phòng Tư pháp huyện về việc góp ý chọn lựa thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3. UBND xã Phước Bình đã phối hợp với các Đơn vị Sở Thông Tin huyện, Phòng Tư pháp huyện, Phòng nội vụ huyện tiến hành rà soát các thủ tục hành chính cấp xã đăng ký thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Các thủ tục đăng ký dịch vụ công mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

UBND xã đã xây dựng Kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 2,3,4 từ năm 2019 thực hiện và tập trung tuyên truyền bằng nhiều hình thức để doanh nghiệp và nhân dân biết tham gia dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

**2. Công tác tuyên truyền:**

Để doanh nghiệp và nhân dân hiều rõ hơn về dịch vụ công trực tuyến UBND xã Phước Bình chỉ đạo tăng cường, đẩy mạnh công tác tuyên truyền  đến với Doanh nghiệp và người dân về dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4.

Hình thức tuyên truyền:

Đã ban hành 01 văn bản triển khai, tuyên truyền dịch vụ công  trực tuyến mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4: Thông báo số 05/TB-UBND ngày 18/01/2022 của Uỷ bản nhân dân xã Phước Bình về việc triển khai, khai thác các dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh trên địa bàn xã năm 2022.

Bên cạnh đó triển khai đến tổ nhân dân ấp để tổ trưởng tuyên truyền cho người dân biết về dịch vụ công trực tuyến tham gia.

Tại bộ phận một cửa lắp đặt màn hình và xây dựng đoạn clip hướng dẫn đăng ký thủ tục trực tuyến để người dân theo dõi, làm theo.

**Số người tuyên truyền:** Trong cán bộ công chức: 02 đợt, mỗi đợt 65 CBCC; tuyên truyền qua các buổi sinh hoạt thứ hai đầu tuần của ban ấp 15 đợt/06 ấp, số lượt người tham gia khoảng 270 người.

Tuyên truyền qua đài truyền thanh xã: 15 lượt bao gồm khoảng 2 giờ 30 phút các dịch vụ mức độ 2, mức độ 3, và mức độ 4.

**Nội dung tuyên tuyền:** (*Đính kèm danh sách các thủ tục thực hiện dịch vụ công trực tuyến)*

* Tuyên truyền về cung cấp 123 thủ tục hành chính dịch vụ công ở mức độ 2;
* Cung cấp 10 thủ tục dịch vụ công mức độ 3 trên trang Website <https://dichvucong.dongnai.gov.vn/web/longthanh>dịch vụ công trực tuyến Đồng Nai.

**3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, mức độ 3, 4:**

Đến nay UBND xã đã tiếp nhận và giải quyết đúng hẹn 3169 hồ sơ đăng ký mưc độ 2; 91/91 hồ sơ đăng ký mức độ 3.

Trong 6 tháng đầu năm 2022, UBND xã được sự phối hợp hướng dẫn của các đơn vị Sở Thông tin truyền thông tỉnh Đồng Nai, Bưu điện huyện Long Thành, Phòng văn Hoá Thông Tin huyện, Phòng Tư pháp huyện, Phòng Nội vụ huyện, Xã Phước Bình hoàn thành nhiệm vụ trong thực hiện cung cấp dịch vụ công trức tuyến mức độ 2, mức độ 3, mức độ 4, công tác triển khai tuyên truyền được xã quan tâm thực hiện, với nhiều hình thức để đến với doanh nghiệp, người dân biết thực hiện.

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến là một trong những đổi mới trong ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính trong nhân dân. Tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân có thể tiếp cận nộp hồ sơ thủ tục hành chính bằng nhiều hình thức, giảm bớt thời gian, kinh phí cho doanh nghiệp và người dân.Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện vẫn còn những thiếu sót, tồn tại, vướng mắc cần khắc phục trong thời gian tới:

Do mới được triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 ; một phần lớn người dân tại địa phương là nông dân nên việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến nộp hồ sơ qua mạng còn hạn chế.

Để nâng cao hiệu quả việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến nộp hồ sơ qua mạng UBND xã sẽ tiếp tục tuyên truyền, phổ biến thường xuyên trên hệ thống loa truyền thanh để doanh nghiệp, người dân hiểu rõ hơn.

Bên cạnh đó tiếp tục hoàn chỉnh tờ rơi tuyên truyền, hướng dẫn người dân biết về dịch vụ công trực tuyến để nhân dân thuận lợi hơn trong đăng ký tham gia.

UBND xã Phước Bình đánh giá xã đã thực hiện đảm bảo cung cấp tất cả mức độ 3,4, hoàn thành chỉ tiêu 8.1 về Thông tin và Truyền thông.

**+ Có hoạt động cung cấp thông tin khoa học công nghệ thông qua trang thông tin điện tử của địa phương đạt hiệu quả.**

Trang thông tin điện tử xã Phước Bình đã bám sát Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước tập trung tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các sự kiện chính trị nổi bật trong xã; các chủ trương, giải pháp trong chỉ đạo điều hành của xã; tăng cường thông tin đối ngoại, quảng bá những giá trị văn hóa, tiềm năng, thế mạnh của xã; cập nhật kịp thời các văn bản chỉ đạo điều hành, các chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khai thác thông tin của độc giả trên các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội, cải cách hành chính của xã. Tính đến ngày 20 tháng 6 năm 2022, Trang thông tin điện tử xã Phước Bình đã thu hút được 23790825 lượt người truy cập, tìm kiếm thông tin. Kết quả cụ thể như sau:

**1. Công tác quản lý:**

Ban Biên tập Trang tin điện tử xã Phước Bình được thành lập và phân công, phân việc cụ thể rõ ràng, làm việc có trách nhiệm, không chồng chéo hoạt động. Hệ thống cơ sở vật chất, thiết bị hoạt động mạng Internet được trang bị đầy đủ.

UBND xã Phước Bình đã ban hành Quyết định số 15/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của UBND xã Phước Bình về việc thành lập Ban biên tập Website xã Phước Bình; Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 của UBND xã Phước Bình về việc kiện toàn Ban biên tập website xã Phước Bình.

Quy chế hoạt động của Trang Thông tin điện tử xã Phước Bình kèm theo Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2020.

1.1. Bố trí 2 cán bộ chuyên viết tin, đăng tin; 1 cán bộ quản lý kỹ thuật và 1 cán bộ chịu trách nhiệm chung - Trưởng ban biên tập chuyên duyệt tin và ký ban hành văn bản của Ban biên tập Website.

1.2. Các cán bộ đã được tập huấn về viết tin, đăng tin. Tuy nhiên vẫn chưa được đào tạo chuyên môn.

- Ban biên tập Website xã Phước Bình chịu trách nhiệm trước UBND xã về duy trì hoạt động của Trang tin điện tử xã.

**2. Công tác tập nhật:**

**2.1**. **Tình hình cung cấp thông tin:**

Trang thông tin điện tử xã Phước Bình đã kịp thời thông tin các hoạt động chỉ đạo, điều hành để đápứng nhu cầu tìm hiểu, khai thác thông tin của độc giả trên các lĩnh vực: Kinh tế, Chính trị; Văn hóa – Xã hội; Y tế, Giáo dục; Hội, Đoàn thể và cải cách hành chính.

Trong năm 2021, Ban biên tập xã Phước Bình đã cập nhật lên trang website 116 tin bài, 95 ảnh.

**2.2. Đăng tin phổ biến thông tin của địa phương 6 tháng đầu năm 2022:**

- Kinh tế - Chính trị: 24 bản tin.

- Văn hóa – xã hội: 24 bản tin.

- Y tế - Giáo dục: 24 bản tin.

- Hội, đoàn thể: 24 bản tin.

Tổng số bản tin 6 tháng đầu năm 2022: 96 tin bài và 89 ảnh.

Như vậy, trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022, Trang thông tin điện tử xã Phước Bình đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ là kênh thông tin chính thống của Ủy ban nhân dân xã Phước Bình trên mạng Internet; là nơi trao đổi thông tin hai chiều giữa các cơ quan nhà nước với nhân dân; tập hợp và truyền tải trao đổi thông tin trên các lĩnh vực, phục vụ công tác chỉ đạo của các cấp chính quyền; đã duy trì hoạt động với những nội dung ngày càng được cải tiến, đổi mới, cập nhật thường xuyên các hoạt động của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, UBMTTQVN xã và các tổ chức xã hội khác; những thông tin kinh tế - xã hội của xã.

Để đảm bảo hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử xã Phước Bình, Ban biên tập Cổng thông tin điện tử xã đã đề ra phương hướng nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022, cụ thể:

**3. Công tác cập nhật, phổ biến thông tin của địa phương lên website xã:**

Cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, công khai lên Trang thông tin điện tử xã. Đẩy mạnh thông tin các lĩnh vực quản lý nhà nước và cung cấp các dịch vụ nội dung thông tin số; Tiếp tục duy trì hiệu quả các chuyên mục, kênh thông tin hiện có trên Trang thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP; Tăng cường cung cấp thông tin về các thủ tục hành chính đã được Uỷ ban nhân dân xã Phước Bình phê duyệt.

**4. Giải trình lượng tin bài còn thiếu trong năm 2021:**

Ban biên tập website xã Phước Bình cập nhật thông tin năm 2021 chưa thường xuyên, kịp thời do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; thực hiện Chỉ thị 16 cách ly xã hội nên xã Phước Bình hạn chế các hoạt động tập trung đông người. Các sự kiện , hoạt động không thiết yếu đều bị hoãn lại. Trong đó có các buổi hội nghị, hội thảo khắp các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Toàn bộ cán bộ trong hệ thống chính trị của xã dồn sức cho công tác phòng chống dịch nên việc cập nhật thông tin chưa thật sự thường xuyên và kịp thời.

**- Tin bài năm 2021**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Công Việc** | **Đơn vị  tính** | **Khối lượng** | | | | **Ghi chú** |
| **Theo công văn 228/PKT-KHCN** | **Thực hiện** | |  |
| **Luỹ kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Luỹ kế đến hết kỳ này** |  |
| 11 | Cập nhật mục  Kinh tế - chính trị | Tin | 48 | 0 | 28 | 28 |  |
| Hình | 48 | 0 | 27 | 27 |  |
| 2 | Cập nhật mục  Văn hóa - Xã hội | Tin | 48 | 0 | 30 | 30 |  |
| Hình | 48 | 0 | 22 | 22 |  |
| 3 | Cập nhật mục  Y tế - Giáo dục | Tin | 48 | 0 | 25 | 25 |  |
| Hình | 48 | 0 | 20 | 20 |  |
| 4 | Cập nhật mục  Hội, đoàn thể | Tin | 48 | 0 | 33 | 23 |  |
| Hình | 48 | 0 | 26 | 26 |  |
| 5 | Cập nhật mục  Sản phẩm chủ lực | Tin | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Hình | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  | 116 |  |

**- Tin bài năm 2022:**Tổng số lượng tin viết trên website trong 6 tháng đầu năm 2022 là 96 tin, gồm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Công Việc** | **Đơn vị  tính** | **Khối lượng** | | | | **Ghi chú** |
| **Theo công văn 228/PKT-KHCN** | **Thực hiện** | |  |
| **Luỹ kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Luỹ kế đến hết kỳ này** |  |
| 11 | Cập nhật mục  Kinh tế - chính trị | Tin | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| Hình | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| 2 | Cập nhật mục  Văn hóa - Xã hội | Tin | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| Hình | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| 3 | Cập nhật mục  Y tế - Giáo dục | Tin | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| Hình | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| 4 | Cập nhật mục  Hội, đoàn thể | Tin | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| Hình | 48 | 0 | 24 | 24 |  |
| 5 | Cập nhật mục  Sản phẩm chủ lực | Tin | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| Hình | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  | **96** |  |

**-** Công tác cập nhật thông tin về hoạt động của địa phương lên website về các mục được thực hiện đầy đủ 1 năm 2 lần về Thông tin lãnh đạo xã; Quy chế làm việc của UBND xã; Lịch công tác và tiếp công dân; Thông tin các vị trí công chức; Thông tin các ấp; Thông tin về tổng quan KTXH; Thông tin về hiện trạng KTXH; Thông tin về tiềm năng KTXH;

**+ Năm 2021:**

+ Lần 1 vào ngày 09/01/2021 theo văn bản số 77/UBND của UBND xã Phước Bình

+ Lần 2 vào ngày 30/6/2021 theo văn bản số 78/UBND của UBND xã Phước Bình

**+ Năm 2022:**

+ Lần 1 vào ngày 10/01/2022 theo văn bản số 35/UBND của UBND xã Phước Bình. Việc thay đổi này đều gửi nội dung lên Ioffice của Trung tâm KH&CN.

**5. Công tác phổ biến, cung cấp thôn tin về khoa học và công nghệ do người dân thông qua website của xã:**

Trong những năm qua, Trang thông tin điện tử xã Phước Bình đã khẳng định được vị thế, tầm quan trọng trong cung cấp thông tin chính thống về công tác chỉ đạo, điều hành kinh tế - xã hội của địa phương, định hướng thông tin và là cầu nối giữa người dân, doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước; tích hợp các dịch vụ công.

Hiện nay, Trang thông tin điện tử xã Phước Bình đã thực hiện hiệu quả chức năng giao tiếp hai chiều giữa chính quyền và người dân. Từ đó giúp định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, giải quyết những vướng mắc của người dân nảy sinh trong đời sống xã hội. Thông tin trên Trang thông tin điện tử xã Phước Bình được đổi mới về mặt nội dung và hình thức góp phần công khai hóa các thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền nhà nước các cấp, đồng thời giúp người dân, doanh nghiệp tìm kiếm, sử dụng thông tin đăng tải chính thống trên cổng thông tin điện tử.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.9. Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng( ≥ 90%): đạt 100%.

**b) Kết quả thực hiện:**

1. **Công tác chỉ đạo:**

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của huyện ủy, UBND huyện Long Thành. Đảng ủy, UBND xã Phước Bình đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện các văn bản, hướng dẫn của tỉnh, huyện để tiếp tục giữ vững các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã. Thường xuyên làm việc với các thành viên BCĐ của xã, các cán bộ chuyên môn, công chức phụ trách tùng lĩnh vực, các ấp nhằm đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, vướng mắc từ đó đề xuất những giải pháp, phương hướng để tiếp tục chỉ đạo thực hiện đạt kết quả cao.

1. **Kết quả thực hiện:**

Qua triển khai thực hiện đến nay UBND xã Phước Bình đã hoàn thành tiêu chí số 09 về tỷ lệ hộ dân có nhà đạt chuẩn bộ xây dựng, trong bộ tiêu chí nông thô mới nâng cao tỉnh Đồng Nai( 4104/4104 hộ đạt 100%) không có nhà tạm dột nát.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên ấp** | **Tổng số nhà ở** | **Trong đó** | |
| **Nhà đạt chuẩn**  **Bộ Xây dựng** | **Tỷ lệ** |
| 1 | Ấp 1 | 797 | Đạt | 100% |
| 2 | Ấp 2 | 859 | Đạt | 100% |
| 3 | Ấp 3 | 1240 | Đạt | 100% |
| 4 | Ấp 5 | 520 | Đạt | 100% |
| 5 | Ấp 6 | 502 | Đạt | 100% |
| 6 | Ấp 7 | 186 | Đạt | 100% |
| **Tổng** |  | **4104** | **Đạt** | **100%** |

Xã Phước Bình có 06 ấp với tổng số hộ theo nóc nhà hiện hữu là 4104 hộ.

- Số nhà tạm, dột nát: trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

- Số nhà không đạt chuẩn của bộ xây dựng: trên địa bàn xã không còn nhà không đạt chuẩn của Bộ Xây dựng.

- Số nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng: 4104 hộ, đạt 100%, tăng 1267 nhà so với năm 2015.

- Tổng diện tích trung bình/1 người là: 16,06m2/1 người *(theo quy định 14m2/1 người)*.

Xã Phước Bình có 06 ấp với tổng số hộ theo nóc nhà hiện hữu là 4104 hộ.

Số nhà tạm, dột nát: trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát.

Số nhà không đạt chuẩn của bộ xây dựng: trên địa bàn xã không còn nhà không đạt chuẩn của Bộ Xây dựng.

Số nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng: 4104 hộ, đạt 100%, tăng 1267 nhà so với năm 2016.(2837nhà)

Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng là 4104/4104 hộ, đạt 100%. So với Bộ tiêu chí xã nông thôn mới gia đoạn 2016-2020 tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai là ≥ 90%.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện:** Kết quả thực hiện tiêu chí số 9: Đạt.

**4.10. Tiêu chí số 10: Thu nhập.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Thu nhập bình quân đầu người/năm 2018: ≥ 44 triệu đồng.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm

+ 10.2. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế)

+ 10.3. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp

+ 10.4. Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ

+ 10.5. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sản xuất hàng hoá chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ 10.6. Xã có ít nhất một nhãn hiệu được chứng nhận

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**+ 10.1. Thu nhập bình quân đầu người/năm: 1. Đối tượng khảo sát:** UBND xã, giám đốc và kế toán các doanh nghiệp, hợp tác xã; chủ cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; hộ dân cư và các thành viên trong hộ.

**2. Thời điểm, thời kỳ khảo sát:** Cuộc khảo sát được tiến hành trong vào tháng 4 năm 2022, thời kỳ thu thập số liệu là 01 năm tính từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.

**3. Nội dung khảo sát**

**\* Đối với UBND xã :**

Thu thập thông tin để tính thu trong 01 năm của nhân khẩu thực tế thường trú của xã, gồm :

- Thu từ sản phẩm chính trồng trọt, chăn nuôi;

- Thu từ hoạt động lâm nghiệp;

- Thu từ hoạt động nuôi trồng, đánh bắt và sản xuất giống thủy sản.

**\* Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể:**

Thu thập thông tin để tính thu nhập trong 01 năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể do nhân khẩu thực tế thường trú của xã làm chủ hoặc tham gia làm chủ.

**\* Đối với hộ dân cư:**

Thu thập thông tin để tính toán thu nhập từ tiền công, tiền lương và các khoản thu khác trong 01 năm của nhân khẩu thực tế trên địa bàn các ấp 1, 2, 3, 5, 6, 7 trên địa bàn xã.

**\* Công tác điều tra khảo sát tại địa bàn:**

Cuộc khảo sát áp dụng phương pháp trực tiếp và gián tiếp:

Điều tra trực tiếp: Điều tra viên do xã trưng tập trực tiếp đến từng doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, hộ gia đình trên địa bàn từng ấp để tiến hành phỏng vấn trực tiếp nhằm thu thập các thông tin theo từng loại biểu quy định.

Điều tra gián tiếp: Công chức Văn phòng - Thống kê xã dựa vào báo cáo của UBND xã về diện tích gieo trồng cây trồng hàng năm, diện tích cho sản phẩm cây lâu năm; sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm từ hoạt động lâm nghiệp; nuôi trồng, đánh bắt và sản xuất giống thủy sản đồng thời, tham khảo ý kiến các cơ quan chuyên môn liên quan của huyện.

**- Kết quả điều tra:**

+ Tổng thu nhập của toàn xã: 975.673.60 triệu đồng. Trong đó:

- Những hộ có nguồn thu từ tiền lương, tiền công là 845.871.40 triệu đồng chiếm 86,70%.

- Hộ có nguồn thu từ sản xuất nông lâm thủy sản là 74.866.02 triệu đồng chiếm 7,67%.

- Hộ có nguồn thu từ sản xuất ngành nghề phi nông lâm nghiệp là 54.936.19 triệu đồng chiếm 5,63%.

+ Dân số thường trú thực tế trên địa bàn xã là: 14.337 người

+ Thu nhập bình quân đầu người của xã Phước Bình năm 2021 đạt 66,69 triệu đồng/người/năm (975.673.60 triệu đồng/14.337 người).

**+ 10.2. Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản (theo giá thực tế).**

Kết quả tổng hợp từ phiếu hộ (nguồn thu thập thông tin từ thời điểm 1/7/2021-20/12/2021):

- Tổng diện tích đất nông nghiệp và mặt nước nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã năm 2021 là: 3.270ha, trong đó thu hoạch sản phẩm trên diện tích 3.027,34 với tổng giá trị thu được là 2.164.184,65 triệu đồng.

**Trong đó:**

+ Diện tích trồng cây hàng năm cho sản phẩm là: 797,83 ha với tổng giá trị thu được là 38.592,65 triệu đồng.

+ Diện tích trồng cây lâu năm cho sản phẩm: 2.229,41 ha với tổng giá trị thu được là 2.125.302,00 triệu đồng.

+ Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản là: 1,6 ha với giá trị thu được là 290 triệu đồng.

**+ Tuy nhiên sản phẩm nông nghiệp chủ lực là trồng bưởi da xanh ruột hồng và chăn nuôi heo.**

**- Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1 ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản là:**

2.436.685,30

= 714,53 triệu đồng.

3.028,84

**- Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 1 ha trồng bưởi da xanh ruột hồng và nuôi heo thịt là:**

351.040

= 10.970 triệu đồng.

32

**2. Công tác bảo quản tài liệu:**

Công tác bảo quản tài liệu, phiếu điều tra được triển khai đến tận điều tra viên và thực hiện tốt, không để mất hay làm hư hỏng tài liệu và phiếu điều tra.

**3. Công tác chuẩn bị phục vụ đoàn thẩm định kết quả điều tra:**

Thực hiện tốt công tác chuẩn bị phục vụ đoàn nghiệm thu thẩm định kết quả điều tra của huyện như: sắp xếp phiếu điều tra theo địa bàn, theo ấp và các tài liệu khác phục vụ tốt cho đoàn nghiệm thu của huyện.

**+ 10.3. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp:**

**- Trồng trọt**

- Tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn:

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 3270 ha. Trong đó: thu hoạch 3.027, 33; chưa thu hoạch: 242.45ha, cụ thể như sau:

- Ấp 1: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 270 ha

- Ấp 2: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 169.6 ha

- Ấp 3: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 442.7 ha

- Ấp 5: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 267.2 ha

- Ấp 6: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 1061.4 ha

- Ấp 7: Tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp 1051 ha

**+ Tỉ lệ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp:**

- Ấp 1: Làm đất tỉ lệ 100%; Chăm sóc: tỉ lệ 70,2%, Thu hoạch: tỉ lệ 100%; Bảo quản: 65,9% .

- Ấp 2: Làm đất tỉ lệ 100%; Chăm sóc: tỉ lệ 82%, Thu hoạch: tỉ lệ 100%; Bảo quản: 60 %.

- Ấp 3: Làm đất tỉ lệ 100%; Chăm sóc: tỉ lệ 85%, Thu hoạch: tỉ lệ 100%; Bảo quản: 60% .

- Ấp 5: Làm đất tỉ lệ 100%; Chăm sóc: tỉ lệ 80,2%, Thu hoạch: tỉ lệ 100%; Bảo quản: 60,9% .

- Ấp 6: Làm đất tỉ lệ 100%; Chăm sóc: tỉ lệ 86%, Thu hoạch: tỉ lệ 100%; Bảo quản: 63% .

- Ấp 7: Làm đất tỉ lệ 100%; Chăm sóc: tỉ lệ 81%, Thu hoạch: tỉ lệ 100%; Bảo quản: 70% .

Tổng số khâu địa phương có thể áp dụng: 2, vì nguồn nước tự nhiên từ suối cầu vạc chảy vào kênh ruộng.

Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu áp dụng trong SX trồng trọt: 80%

**- Các nội dung đã thực hiện:**

Văn bản của Đảng ủy xã Phước Bình về xác định các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn xã; Nghị quyết số -NQ/ĐU ngày / /202 .

Báo cáo của UBND xã về kết quả thực hiện Chỉ tiêu

Bảng tổng hợp kết quả điều tra (theo phụ lục 02 đính kèm tại văn bản số 2293/HD-SNN ngày 26/6 /2018 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn).

Danh sách các loại máy sử dụng trong nông nghiệp.

**+ 10.4. Xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.**

Căn cứ theo Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Long Thành đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Hiện nay đã có một số dự án thu hồi đất nông nghiệp đã triển khai như:

+ Trên địa bàn xã Phước Bình đã triển khai bồi thường thu hồi đất dự án: Đường chính xã Phước Bình; Khu công nghiệp Phước Bình tại ấp 6.

Tuy nhiên việc thu hồi đất nhằm quy hoạch phát triển Khu công nghiệp không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động nông nghiệp trên địa bàn xã. Hiện nay vùng sản xuất nông nghiệp chăn nuôi hữu cơ như: chăn nuôi heo, bò, trâu, gà, vịt rải rác từ ấp 1 đến ấp 7. Không có khu sản xuất nông nghiệp chăn nuôi tập trung.

Nông nghiệp trồng trọt theo hướng hữu cơ cũng được nông hộ chú trọng như: Trồng bưởi da xanh ruột hồng. Trồng lúa không dùng thuốc bảo vệ thực vật có nồng độ độc tính cao. Trồng rau an toàn sinh học.

Đối với diện tích trên việc canh tách chủ yếu theo quy mô sản xuất nhỏ chưa áp dụng theo tiêu chuẩn Viet Gap, thâm canh và quản lý cây trồng tổng hợp ICM…). Tuy nhiên trong quá trình canh tác Hội nông dân xã Phước Bình, khuyến nông luôn hướng dẫn các giống mới. Đồng thời khuyến khích người dân khảo nghiệm, bổ sung thêm một số giống lúa có năng suất, chất lượng khả năng kháng bệnh cao. Bên canh đó, kết hợp với công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật định hướng từng bước sẽ ứng dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, nhằm bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.

**+ 10.5. Thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sản xuất hàng hoá chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.**

**1. Yêu cầu về thực hiện hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sản xuất nông nghiệp.**

Thực hiện Quyết định số 3768/QĐ-UBND ngày 25/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Long Thành đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hàng năm UBND xã Phước Bình xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đồng thời định kỳ báo cáo kết quả thực hiện triển khai quy hoạch về UBND huyện, phòng Kinh tế huyện Long Thành.

**2. Yêu cầu về thực hiện mục tiêu tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn xã:**

**a. Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm về phát triển xuất nông nghiệp của xã: Đạt**

Hằng năm, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được ủy ban nhân dân huyện giao; UBND xã đã xây dựng Kế hoạch, phân công nghiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện. Kết quả, Ủy ban nhân dân xã Tam An đều triển khai thực hiện đạt chỉ tiêu mà huyện giao cho. Định kỳ, ủy ban nhân dân xã có báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về đánh giá kết quả thực hiện và những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

**b. Thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi cây trồng phù hợp với điều kiện của địa phương và nhu cầu thị trường nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.**

**\* Đối với diện tích sản xuất bưởi da xanh ruột hồng:**

Tổng diện tích trồng bưởi trên địa bàn xã 30ha, phân bố chủ yếu tại khu vực ấp 1, ấp 6 và ấp 7. Đối với những diện tích sản xuất bưởi da xanh ruột hồng, xã và các ngành chuyên môn không khuyến khích người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mà hướng dẫn người dân tiếp tục canh tác bưởi, do đặc thù điều kiện tự nhiên, đất đai thổ những khu vực này chỉ phù hợp chuyên sản xuất lúa. Trên cơ sở đó, xã đã hướng dẫn người dân tiếp tục duy trì những giống lúa sản xuất có hiệu quả tại khu vực này trong những năm qua như: giống bưởi Cái Mơn Năng suất thu hoạch bình quân khoảng 48 tấn/ha; đồng thời khuyến khích người dân khảo nghiệm, bổ sung thêm một số giống bưởi mới có năng suất, chất lượng tốt, khả năng kháng sâu bệnh, chịu mặn, chịu nhiệt. Song song đó, tăng cường chuyển giao khoa học kỹ thuật, định hướng từng bước ứng dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, nhằm bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng.

Việc chuyển đổi phương thức sản xuất trên diện tích chuyên canh cây bưởi trong thời gian qua đã cho thấy hiệu quả như sau:

- Trước chuyển đổi: năng suất bưởi bình quân đạt khoảng 40 tấn/ha, giá bán khoảng 20.000đ/kg, thu lợi đạt khoảng 120 triệu đồng/ha/vụ.

- Sau chuyển đổi: năng suất bưởi bình quân đạt khoảng hơn 48tấn/ha, giá bán khoảng 25.000/kg (do ứng dụng những giống bưởi chất lượng cao + phương thức canh tác tiên tiến (tham gia chuỗi liên kết có đơn vị thu mua), thu lợi khoảng 180 triệu đồng/ha/vụ.

***Như vậy, hiệu quả kinh tế từ việc chuyển đổi phương thức canh tác trên 01 ha sản xuất bưởi là: 1.200.000.000đ – 840.000.000đ = 360.000.000đ/ha/2 vụ.***

**c. Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông lâm thủy sản chủ lực được sản xuất theo quy trình sản xuất tốt (GAP)>=50%.**

Trên địa bàn xã Phước Bình có 3270 ha diện tích sản xuất nông nghiệp, với 4104 hộ dân. Trong đó điều tra nông nghiệp trồng trọt 1271 hộ nông dân. Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân, Hội Nông dân xã Phước Bình phối hợp trung tâm Dịch vụ nông nghiệp và các cơ quan, đơn vị liên quan quan tâm tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nông dân, định hướng từng bước sẽ ứng dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, nhằm bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng. Đồng thời, nông dân có thực hiện cam kết sản xuất an toàn, thực hiện chuỗi liên kết, hàng năm ký hợp đồng với đơn vị thu mua đảm bảo đầu ra ổn định cho người dân.

Hiện nay, trên địa bàn xã có 1271/4104 hộ dân tham gia mô hình sản xuất nông nghiệp trồng trọt theo hướng hữu cơ chất lượng cao, với diện tích 3025.33 ha, sản lượng 712.465,12 tấn.

Tỷ lệ giá trị: 1271/4104 = 30.9%.

**d. Tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề lao động nông thôn**

Được sự quan tâm của UBND huyện Long Thành, Phòng Kinh tế, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, Hội nông dân huyện nên công tác đào tạo nghề được tổ chức các lớp dạy nghề, tập huấn về kỹ thuật trồng trọt áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và tổ chức cho nông dân tham quan học tập mô hình sản xuất nông nghiệp, tổ chức hội thảo các chương trình về giống cây năng suất cao và phân bón trên địa bàn xã.

Tỷ lệ giá trị đạt 30.9% (1271/4104 hộ dân).

**e. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi xử lý chất thải bằng Bioga hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch:**

Trong năm qua, được sự hướng dẫn của các ngành liên quan của huyện và sự quản lý của xã về vến đề vệ sinh môi trường, đặc biệt là trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Do đó các hộ chăn nuôi đã thực hiện hầm bioga và men vi sinh xử lý phân và nước thải. Từ đó đã mang lại kết quả cao. Trên địa bàn xã có 382 hộ chăn nuôi, trong đó có 80 hộ có hệ thống xử lý biogas hoặc đêm lót sinh học, đảm bảo bảo vệ môi trường.

Tỷ lệ giá trị đạt 20.9%.(80/382 hộ dân).

**+ 10.6. Xã có ít nhất một nhãn hiệu được chứng nhận:**

**1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện**

- UBND xã Phước Bình tiến hành rà soát, liên hệ với các đơn vị chưa được chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa nhằm tuyên truyền, động viên và hướng dẫn đơn vị thực hiện đăng ký.

- Tuyên truyền triển khai văn bản đến các cá nhân, đơn vị sản xuất kinh doanh để rà soát nhu cầu đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trên địa bàn xã, đồng thời tuyên truyền những lợi ích khi đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với các sản phẩm của đơn vị sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là các sản phẩm hàng hóa có lợi thế, đặc thù của địa phương hàng hóa chất lượng đáp ứng nhu cầu của thị trường, sản phẩm đạt VietGAP, Global GAP hoặc được chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm thực hiện đăng ký nhãn hiệu hàng hóa để nhâng cao giá trị sản phẩm và giúp mở rộng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm hàng hóa mà các các nhân, đơn vị sản xuất kinh doanh.

**2. Các nội dung thực hiện**

Thực hiện Văn bản số 111/PKT- KHCN ngày 01/04/2018 của phòng Kinh tế huyện Long Thành về việc triển khai chương trình hỗ trợ đăng ký về nhãn hiệu đăng ký về nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm trên địa bàn xã và tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp theo Quyết định 837/QĐ-UBND ngày 22/03/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ chi phí đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Qua thực hiện rà soát và triển khai thực hiện, trên địa bàn xã Phước Bình có:

- 01 nhãn **QVP QUOCVINHFARM** của cá nhân Đồng Huỳnh Quốc Vinh ấp 7 xã Phước Bình, huyện Long Thành, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo trình tự thủ tục quy định với nhóm sản phẩm, dịch vụ: chuyên cung cấp động vật sống, rau củ quả tươi sống. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 400308 theo Quyết định số 80398/QĐ-SHTT ngày 21/10/2021 có hiệu lực đến ngày 24/7/2029.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.11. Tiêu chí 11: Hộ nghèo:**

**a) Yêu cầu tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 theo chuẩn của tỉnh: ≤ 1%.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 theo chuẩn của tỉnh: < 1%.

**b) Kết quả thực hiện:**

Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020 đạt tỷ lệ 0,00% (0/4104 hộ nghèo) theo chuẩn nghèo mới của UBND tỉnh. Năm 2016 đạt tỷ lệ 0,43% (13/3046 hộ)

Đảng ủy, UBND xã Phước Bình ngoài việc thực hiện theo các chủ trương, kế hoạch đề ra của huyện về các phương án hỗ trợ, về xây nhà tình thương, sửa chữa nhà, quà tết, về các chương trình vay hỗ trợ, hỗ trợ giáo dục học tập cho các gia đình khó khăn có con em đi học, cấp phát BHYT, hỗ trợ kinh phí về covid-19… phối hợp với các ban ngành thường xuyên vận động các mạnh thường quân hỗ trợ giúp đỡ với những phần quà giá trị, quan tâm về vật chất lẫn tinh thần để các hộ khó khăn có đời sống tốt hơn và cố gắng vươn lên thoát nghèo bền vững.

Mỗi ấp trên địa bàn luôn cập nhật và báo cáo về tình hình đời sống và hoàn cảnh khó khăn của các hộ đến UBND xã kịp thời quan tâm, hỗ trợ. Đảng ủy, UBND xã hàng năm đều có kế hoạch phân công các ngành, các đoàn thể giúp đỡ các hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn hướng dẫn các hộ vươn lên làm ăn, thoát nghèo bền vững bằng nhiều phương pháp thiết thực: thường xuyên quan tâm giúp đỡ, vận động mọi nguồn lực xã hội cả về vật chất lẫn tinh thần để các hộ nghèo vươn lên làm giàu chính đáng; tạo mọi điều kiện giúp đỡ cho hộ nghèo như: vay vốn ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm, hỗ trợ cây giống, con giống đồng thời hướng dẫn khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi để giúp hộ nghèo phát triển sản xuất.

Xây dựng và sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo và hộ khó khăn về nhà ở: Từ Năm 2016 - 2020 xây nhà đại đoàn kết 22 căn trị giá 835 triệu đồng.

Kết quả triển khai thực hiện như sau:

* Năm 2016 đạt tỷ lệ 0,43% (13/3046 hộ)
* Tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2020 là: 0/4104 hộ, đạt tỷ lệ 0,00% ≤1%.
* Số hộ nghèo đầu năm 2021:

+ Hộ nghèo A: 0/4.104 hộ dân, chiếm 0,00%

+ Hộ nghèo B: 19/4.104 hộ dân, chiếm 0,46%

+ Hộ cận nghèo: 4/4.104 hộ dân, chiếm 0.10%

* Kết quả điều tra, rà soát cuối năm 2021:

+ Hộ nghèo A: 13/4.104 hộ dân, chiếm 0,31%

+ Hộ nghèo B: 26/4.104 hộ dân, chiếm 0,63%

+ Hộ cận nghèo: 7/4.104 hộ dân, chiếm 0.17%

+ Hộ có mức sống trung bình: 0/4.104 hộ dân, chiếm 0.00%

+ Hộ thoát nghèo: 1/4.104 hộ dân, chiếm 0,02%

+ Hộ thoát cận nghèo: 1/4.104 hộ dân, chiếm 0,02%

**c) Đánh giá kết quả thực hiện:** Kết quả thực hiện tiêu chí số 11: Đạt.

**4.12. Tiêu chí 12: Lao động có việc làm:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 12.1: Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động: ≥ 90%.

+ Chỉ tiêu 12.2: Tỷ lệ lao động qua đào tạo: **≥**  45%.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 12.1. Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động

+ 12.2. Tỷ lệ lao động có việc làm trên địa bàn xã được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên trên địa bàn xã.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

1. Tiêu chí 12.1: Tỷ lệ người có việc làm thường xuyên trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động:

Qua điều tra cung cầu lao động năm 2021, kết quả như sau:

1. Ấp 1: 2.214/2.285 người, đạt 96,89%.
2. Ấp 2: 2.454/2.546 người, đạt 96,38%.
3. Ấp 3: 2.563/2.693 người, đạt 95,17%.
4. Ấp 5: 1.534/1.593 người, đạt 96,29%.
5. Ấp 6: 1.791/1.854 người, đạt 96,60%.
6. Ấp 7: 807/838 người, đạt 96,30%.

**Toàn xã: 11.363/11.815 đạt tỷ lệ 96,17%**

2. Tiêu chí 12.2: Tỷ lệ lao động được đào tạo trên tổng số lao động có việc làm thường xuyên:

Qua điều tra cung cầu lao động năm 2021, kết quả như sau:

1. Ấp 1: 1336/2.000 người, đạt 66,80%.

1. Ấp 2: 1.637/2.505 người, đạt 65,34%.
2. Ấp 3: 1.539/2.320 người, đạt 66,33%.
3. Ấp 5: 962/1.459 người, đạt 65,93%.
4. Ấp 6: 1.051/1.598 người, đạt 65,77%.
5. Ấp 7: 492/742 người, đạt 66,30%.

Toàn xã: 7.017/10.624 đạt tỷ lệ 66,04%

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.13. Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 13.1: Xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Đạt.

+ Chỉ tiêu 13.2: Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: Đạt.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 13.1. Tỷ lệ Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.

+ 13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX,THT,CLB

+ 13.3. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hoá đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch…của địa phương.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- **13.1. Tỷ lệ Hợp tác xã hoạt động có hiệu quả.**

Trên địa bàn xã có 02 HTX: HTX xếp dỡ Thái Bình và HTX Nông nghiệp công nghệ cao Long Thành.

**HTX dịch vụ xếp dỡ Thái Bình:** thành lập từ năm 1999. Địa chỉ văn phòng tại ấp 2 xã Phước Bình, tổng số xã viên 16 thành viên tham gia góp vốn. Tổng số vốn xã viên đóng góp là 600.000.000đ

Năm 2019:

Doanh thu: 12.605.614.929đ

Lợi nhuận trước thuế: 18.679.684đ

Lợi nhuận sau thuế: 507.164.221đ

Năm 2020:

Doanh thu: 12.809.814.217đ

Lợi nhuận trước thuế: 18.648.231đ

Lợi nhuận sau thuế: 74.592.925đ

Năm 2021:

Doanh thu: 9.577.188.803đ

Lợi nhuận trước thuế: 43.268.246đ

Lợi nhuận sau thuế: 34.614.597đ

HTX hoạt động ổn định, cán bộ quản lý HTX được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cũng như công tác quản lý, điều hành nhằm đảm bảo cho các HTX hoạt động đúng theo Luật Hợp tác xã. Nhìn chung các HTX với chức năng quản lý và điều hành ngày càng tiến bộ hơn, rõ ràng hơn, nội dung quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh HTX từng bước có hiệu quả hơn, tạo được công ăn việc làm thường xuyên cho thành viên và người lao động có thu nhập ổn định.

**HTX Nông nghiệp Công nghệ cao Long Thành:**

Địa chỉ ấp 5 xã Phước Bình. HTX mới đi vào hoạt động từ tháng 6/2020. Vốn điều lệ là 5.000.000.000đ với 11 thành viên. Có 32 lao động tại HTX.

Nhìn chung HTX mới đi vào hoạt động ổn định, công tác quản lý, điều hành nhằm đảm bảo cho các HTX hoạt động đúng theo Luật Hợp tác xã. Tạo công ăn việc làm thường xuyên cho thành viên và người lao động có thu nhập ổn định.

Kết quả đánh giá chỉ tiêu 13.1 thuộc tiêu chí số 13- về hình thức tổ chức sản xuất trên địa bàn xã Phước Bình có 02/02 HTX hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, đạt 100% so với tiêu chí.

* **13.2. Tỷ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX,THT,CLB:**

UBND xã Phước Bình đã tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai. Trong thời gian qua, UBND xã Phước Bình đã triển khai thực hiện và hoàn thiện hồ sơ minh chứng đối với tiêu chí số 13 về “Hình thức tổ chức sản xuất” trong đó có chỉ tiêu 13.2 xã có “Tỉ lệ hộ sản xuất, kinh doanh tham gia HTX, THT CLB” đạt ≥ 50%; Kết quả xã đạt tỷ lệ 50,47% (106/210 hộ).

- **13.3. Thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hoá đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch…của địa phương:**

Trên địa bàn xã Phước Bình có 01 tổ hợp tác nông nghiệp cây bắp ấp 7 với 9 thành viên.

Được thành lập vào ngày 23/11/2018 với 9 thành viên. Năm 2020, có thêm 5 hộ tham gia THT.

Tổng số vốn góp của Tổ hợp tác là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Việc sử dụng vốn góp của Tổ hợp tác dùng để hỗ trợ, giúp đỡ vốn canh tác và kỹ thuật trồng trọt cho các Tổ viên.

Năm 2020, tổ hợp tác và các thành viên đã từng bước giải quyết công ăn việc làm cho 14 thành viên trong tổ và các lao động khác, góp phần ổn định trật tự, an ninh ở địa phương.

Tổ hợp tác sinh hoạt định kỳ 1 tháng 1 lần. trong lần sinh hoạt này, các thành viên trong tổ hợp tác đã cùng nhau trao đổi những kinh nghiệm thực tế như: chăm sóc tốt cho cây bắp đạt năng suất, tuyên truyền cho các thành viên hiểu thêm về lợi ích của việc tham gia tổ hợp tác nông nghiệp cây bắp.

Tổ hợp tác nông nghiệp cây bắp ấp 7 đã khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực về đất đai rộng rãi để trồng bắp, giúp đỡ nhau cùng phát triển, liên kết với nhau để có giá cung cấp cho các tiểu thương về cây bắp thương phẩm.

Từ năm đầu năm 2021, Tổ hợp tác đã ký hợp đồng với Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại xuất nhập khẩu Minh Khang để tiêu thụ sản phẩm cây bắp chế biến làm thức ăn gia súc xuất khẩu. Hiện nay, Tổ hợp tác cây bắp và Công ty Minh Khang đã ký tiếp hợp đồng trong thời gian 03 năm (từ năm 2021 - 2024). Sản lượng cây bắp tiêu thụ theo hợp đồng liên kết như sau:

+ Tổng sản lượng cây bắp do tổ hợp tác sản xuất: 1000 tấn.

+ Sản lượng cây bắp tiêu thụ theo hợp đồng liên kết: 1000 tấn.

Tỷ lệ sản lượng cây bắp tiêu thụ theo hợp đồng liên kết = Sản lượng cây bắp tiêu thụ theo hợp đồng liên kết / Tổng sản lượng cây bắp do tổ hợp tác sản xuất x 100% = 100%

Kết quả hoạt động của tổ hợp tác đến năm 2021, các tổ viên của tổ hợp tác đã thu hoạch 2 vụ bắp trên diện tích 25ha với tổng sản lượng 1000 tấn cây bắp được thu mua là 1.100.000.000, sau khi trừ chi phí trồng trọt và chuyên chở đem về lợi nhuận trung bình cho mỗi tổ viên được khoảng 18.000.000 triệu đồng/ha.

Kết quả đánh giá 01/01 THT hoạt động có hiệu quả, đạt 100% so với tiêu chí.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.14. Tiêu chí 14: Giáo dục và Đào tạo:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở: Đạt.

+ Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp): ≥ 90%.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 14.1. Tỷ lệ trẻ vào mẫu giáo.

+ 14.2. Tỷ lệ huy động trẻ (từ 12 đến 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ.

+ 14.3. Xoá mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/201 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

- Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 23/3/2016 của Bộ giáo dục đào tạo về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chí Nông thôn mới thuộc lĩnh vực giáo dục giai đoạn 2016-2020;

- Hướng dẫn số 83/BCĐ-VPĐP ngày 06/7/2018 của Ban chỉ đạo nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai V/v hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020;

- **Chỉ tiêu 14.1**: Tỉ lệ trẻ vào mẫu giáo là 981/981 đạt 100% ( Đạt)

- **Chỉ tiêu 14.2:** Tỉ lệ huy động trẻ ( Từ 12 đến 36 tháng tuổi) vào nhà trẻ : 341/663 đạt tỷ lệ 51,43 % ( >=50%) (Có danh sách kèm theo).

- **Chỉ tiêu 14.3:** Căn cứ Quyết định số: 12318/ QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND huyện Long Thành về việc công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về xóa mù chữ, Phổ cập giáo dục năm 2021 các mức sau:

- Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt

- Phổ cập giáo dục Tiểu học: mức độ 3

- Phổ cập giáo dục Trung học cơ sở : mức độ 3

- Xóa mù chữ : mức độ 2

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.15. Tiêu chí 15: Y tế.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 15.1: Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế: ≥ 85%.

+ Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt tiêu chuẩn Quốc gia về y tế: Đạt.

+ Chỉ tiêu 15.3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi đối với trẻ em dưới 05 tuổi (chiều cao theo tuổi): ≤ 14,3%.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế ≥ 90%

+ 15.2. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn < 1%

+ 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) < 12%.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Thực hiện tốt các Chương trình y tế cộng đồng, y tế quốc gia, chăm sóc tốt sức khỏe ban đầu cho nhân dân; Trạm Y tế xã có Bác sỹ khám và điều trị bệnh, duy trì tổ chức tốt việc trực khám chữa bệnh cho nhân dân; phối hợp tuyên truyền phòng chống các loại dịch bệnh trên địa bàn, không để bùng phát ổ dịch, vận động tham gia các hình thức bảo hiểm y tế, thực hiện tốt chương trình dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em.

**-** Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế là 90,7% ((12.637/13.933 người).

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khu vực nông thôn là 0,97%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt 9,41%

- Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, năm 2016 được thẩm tra đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt**

**4.16. Tiêu chí số 16: Văn hóa.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 16.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định

+ 16.2. Tỷ lệ ấp đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa theo quy định của Bộ VH-TT-DL

+ 16.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa

+ 16.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy định pháp luật mà không được xử lý và khắc phục kịp thời

+ 16.5. Tỷ lệ ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước của cộng đồng

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

- Xã Phước Bình đã xây dựng đề án xây dựng xã văn hóa NTM và đã nhận được Quyết định 2479/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt đề án xây dựng xã văn hóa nông thôn mới xã Phước Bình. Hàng năm, UBND xã đã báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí gửi BCĐ huyện xem xét trình UBND huyện Long Thành công nhận.

- Địa bàn xã Phước Bình có 6/6 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa theo quy định của Bộ VHTTDL.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng “khu văn hóa” và “Gia đình văn hóa” gắn với xây dựng xã nông thôn mới nâng cao; đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; tập trung lãnh đạo xây dựng đạt các chỉ tiêu và nâng cao chất lượng xây dựng gia đình văn hóa, ấp văn hóa.

**- Về chỉ tiêu 16.1 Xã đạt chuẩn văn hóa Nông thôn mới theo quy định.**

Ngày 12/12/2018 UBND huyện Long Thành đã công nhân xã Phước Bình đạt xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới năm 2018 tại quyết định số 4651/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 , UBND xã đã tập trung chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ” gắn với Đề án xã đạt chuẩn văn hóa Nông thôn mới. Thành lập và kiện toàn Ban chỉ đạo Nông thôn mới khi có thay đổi về nhân sự . Xây dựng kế hoạch và phân công thành viên phụ trách 5 tiêu chuẩn như Đề án đã nêu gắn với cuộc vận động 4 giảm; cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Phối hợp cùng UBMTTQ xã và các đoàn thể hàng năm tổ chức ngày Hội “Đại đoàn kết toàn dân tộc 18/11” ở khu dân cư để thông qua đó BVĐ các Áp báo cáo kết quả thực hiện phong trào, thông qua Hương ước cộng đồng và kể hoạch xây dựng giữ vững Ap văn hóa của năm sau để cùng nhau thực hiện.

**- Về chỉ tiêu 16.3 Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa** ≥ 99%

Căn cứ Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai thì xã Phước Bình còn 6 ấp, không còn ấp 4.

Hàng năm, Ban 6 ấp triển khai họp dân, vận động hướng dẫn các hộ gia đình trên địa bàn đăng ký xây dựng gia đình văn hóa. Ban ấp hướng dẫntổ trưởng tổ nhân dân vận động đăng ký thi đua xây dựng gia đình văn hóa vào bản danh sách chung theo mẫu cho từng tổ nhân dân, không thực hiện riêng lẻ cho từng hộ gia đình. Kết quả, đầu năm 2021, có 2853/2853 hộ chiếm 100% hộ gia đình trên địa bàn xã đăng ký thi đua gia đình văn hóa. Cuối năm 2021,tỉ lệ hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa đạt 99,2 % (2830/2853).

* **Về chỉ tiêu 16.4 Không có cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ văn hóa trên địa bàn xã vi phạm quy định pháp luật mà không được xử lý và khắc phục kịp thời ( Đạt)**

**+ Đối với động kinh doanh đại lý Internet và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng:**

Tiến hành 20 lượt kiểm tra tình hình hoạt động của 3/3 cơ sở kinh doanh đại lý Internet và điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng trên địa bàn xã theo Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (trong đó chủ yếu tập trung kiểm tra các nội dung sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng, hợp đồng đại lý, niêm yết giờ hoạt động, nội quy, lưu giữ Website, khách hàng truy cập, lưu giữ thông tin).

**+ Đối với các quán cà phê, quán bida:**

Tiến hành 17 đợt kiểm tra 10 quán cà phê, giải khát; 5 quán bi da. Tổ đã ra quân kiểm tra việc chấp hành quy định phòng chống dịch của các cơ sở, đa số các cơ sở đều chấp hành tốt.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.17. Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định.

+ 17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định.

+ 17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ 17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường.

+ 17.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người.

+ 17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở "xanh - sạch - đẹp"

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**- 17.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định.**

Năm 2022, UBND xã tổ chức thực hiện lấy mẫu nước các giếng khoan trên địa bàn xã Phước Bình để xét nghiệm với kết quả phân tích, đánh giá chất lượng nước sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn đạt 106/123 mẫu. Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh: 4104/4104 hộ, đạt 100 %. Đánh giá đạt.

- Tỷ lệ nước sạch đạt theo Quy chuẩnQCVN 02:2009/BYT: 3642 hộ/4104 hộ đạt tỷ lệ 88.74% Trong đó: Hiện nay trên địa bàn xã Phước Bình người dân đang sử dụng nước phục vụ sinh hoạt từ 02 nguồn chính.

+ Từ thiết bị lọc nước gia đình: 753/4104 hộ sử dụng thiết bị lọc nước (RO) với nhiều nhãn hiệu khác nhau như Aqua, Pengo, Dakio, Đại thành ....., đạt 18.35% do người dân tự lắp đặt 753 hộ, hằng năm địa phương tuyền truyền vận động người dân, vệ sinh thay lõi lọc định kỳ 06 tháng, nguồn nước đảm bảo theo quy định.

+ Từ Giếng khoan, giếng đào: 2889/4104 hộ tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ nguồn giếng khoan, giếng đào trên địa bàn xã đạt 70.39%.

UBND xã đã phối hợp với Công ty TNHH khoa học TSL tổ chức lấy mẫu nước của một số hộ dân để xét nghiệm đánh giá chất lượng nước đang sử dụng trong sinh hoạt và có kết quả như sau:

- Có 123/123 mẫu nước có tỷ lệ vi sinh đạt 100%. Trong đó có 106/123 mẫu nước có tỷ lệ lý hóa đạt 86.2%

+ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch QCVN 02:2009/BYT: 3642/4104 hộ, đạt 88.74%. Đánh giá đạt.

Do đó UBND xã Phước Bình tự đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí này đạt so với yêu cầu của tiêu chí 17.1 về Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định.

**Giải pháp thực hiện trong thời gian tới:**

Thường xuyên tuyên truyền, vận động các hộ dân sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh thông qua máy lọc nước nhỏ lẽ RO để sinh hoạt hằng ngày để đảm bảo an toàn sức khỏe và các bệnh do nguồn nước.

Tăng cường công tác kiểm tra thực tế để kịp thời nhắc nhở, vận động các hộ dân không sử dụng các nguồn nước tại khu vực sông, suối và các nguồn nước không hợp vệ sinh để dùng sinh hoạt hằng ngày.

- **17.2. Chất thải rắn và nước thải khu dân cư tập trung được thu gom, xử lý theo quy định**

UBND xã thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã về các quy định, hướng dẫn về thủ tục môi trường và việc thực hiện hệ thống xử lý đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh và các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm với tổng thời lượng phát thanh 3000 phút, làm băng rôn tuyên truyền hưởng ứng các ngày lễ về môi trường trong năm 150 m; tổ chức tuyên truyền và thông báo đến nhân dân trên địa bàn xã giữ vệ sinh môi trường nơi cư trú và thực hiện đăng ký thu gom rác thải, đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm phải đảm bảo môi trường không để rò rỉ khí thải, nước thải và chất thải gây ảnh hưởng môi trường, phối hợp với Phòng tài nguyên & môi trường huyện, Sở tài nguyên & môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra các trang trại chăn nuôi trên địa bàn xã, kêu gọi các cơ sở sản xuất kinh doanh và các hộ chăn nuôi tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường như dọn dẹp vệ sinh, chỉnh trang cảnh qua, khuôn viên cơ sở trong các đợt ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường trên các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã, khuôn viên cơ sở trong các đợt ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã đảm bảo “Sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”

**1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

- Hệ thống mương thoát nước thải trong khu dân cư tập trung và các cơ sở sản xuất - kinh doanh nhỏ lẽ trên địa bàn xã đều có xây dựng hầm chứa nước thải theo quy định. Do địa bàn xã rộng, diện tích đất ở của các hộ gia đình, cá nhân, cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẽ trên địa bàn xã thường kèm theo diện tích đất nông nghiệp ở phía sau, vì vậy nước thải phát sinh của hộ gia đình cá nhân được xử lý bằng đường ống dẫn vào hầm chứa đã xây sẵn sau đó thẩm thấu tự nhiên vào lòng đất khu vực phía sau nhà ở của hộ gia đình đáp ứng được lượng nước thải phát sinh trong sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và đảm bảo không tràn ra đường và không gây ô nhiễm môi trường.

- Tổng 4104 hộ/4104hộ gia đình có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với một số ít khu vực hộ dân có diện tích đất nhỏ hẹp và hai bên đường giao thông có mương thoát nước thì nước thải hộ dân sau khi xử lý qua hầm chứa được thoát nước ra hệ thống mương thoát nước hai bên đường giao thông và chảy ra sông, suối, ao hồ đảm bảo không bị ứ nước.

- Hàng năm UBND xã đều tích cực phối hợp với các ban nghành, đoàn thể và các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền cộng đồng dân cư đảm bảo vệ sinh môi trường, thu gom và xử lý triệt để nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh.

- Thường xuyên vận động nhân dân nạo vét hệ thống tiêu thoát nước mưa, nước thải, khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước gây ô nhiễm môi trường. Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn xã bố trí dọc theo hai bên các tuyến đường giao thông đảm bảo phù hợp với quy hoạch đạt 100%. Nước thải sinh hoạt của các hộ dân được thoát vào hầm tự hoại hoặc hầm rút do các hộ dân tự xây dựng để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với nước thải phát sinh từ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ các khu chuồng trại và hộ gia đình trên địa bàn xã đã thực hiện xử lý chất thải đảm bảo không để rò rỉ nước thải, chất thải gây ảnh hưởng môi trường, thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ từ bể tự hoại hoặc hầm rút.

- UBND xã thường xuyên tổ chức ra quân dân vận cùng với nhân dân trên địa bàn xã thực hiện công tác vệ sinh môi trường trên tất cả tuyến đường giao thông nông thôn, phát quang cây có đảm bảo tầm nhìn, nạo vét cống rãnh thoát nước không để nước mưa, nước thải ứ đọng gây ô nhiễm môi trường, không xả nước tràn ra môi trường, khu vực công cộng.

**2. Thu gom, xử lý chất thải rắn:**

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

UBND xã đã tổ chức tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, đảng viên, hội viên, đoàn viên và toàn dân, các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện tốt tiêu chí môi trường và đăng ký thu gom rác thải tiến tới phân loại rác tại nguồn; vận động nhân dân thực hiện xây dựng hố rác tự hoại (đối với những vùng sâu, xa không có xe thu gom rác). Kiên quyết xử lý các trường hợp xả chất thải gây ô nhiễm môi trường. Lồng ghép có hiệu quả việc thực hiện vận động đăng ký thu gom rác thải với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, trong đó:

- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn xã: 100%. (tỷ lệ hộ đăng ký thu gom + tỷ lệ hộ tự xử lý rác) / tổng số hộ dân trên địa bàn.

Tổng số hộ dân trên địa bàn: 4104 hộ, số hộ đăng ký thu gom rác: 2668 hộ đạt 65%, số hộ tự xử lý rác tại nhà: 1436 hộ đạt 35%, **đạt: 100 %.** khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom là: 4.2 tấn/ngày, khối lượng rác thải tự xử lý : 3.85 tấn/ngày**.**

- Số hộ gia đình nằm ngoài khu dân cư tập trung, khu dân cư thưa, các hẻm nhỏ, xe thu gom rác không vào được là 1436 hộ, các hộ này được UBND xã vận động các hộ gia đình phải tự thu gom, xử lý tại chỗ, không được đổ chất thải ra đường, ao, hồ, sông, suối.

Biện pháp xử lý được áp dụng là đào các hố tự xử lý theo quy định để chôn lấp tại vị trí phù hợp. Hố này có thể tích khoảng 1m3, kích thước hố được đào theo hình trụ tròn với đường kính khoảng 0,5-1 m, sâu 1-1,5 m hoặc hình hộp với cạnh dài 0,5-1 m, sâu 1-1,5 m.

UBND xã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tự xử lý rác 1436 hộ dân và kịp thời nhắc nhở các trường hợp tự xử lý chưa đúng theo quy định.

Đến nay trên địa bàn xã đã được thu gom và xử lý theo quy định.

+ Chất thải hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc, xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho sản xuất nông nghiệp. Khối lượng đạt khoảng 1 tấn/ngày.

+ Chất thải vô cơ: Do đơn vị HTX Hồng Hà và HTX xếp dỡ hàng Quyết Tiến tiến hành thu gom rác từ các hộ dân vận chuyển về điểm trung chuyển tại ấp 6 xã Phước Bình. Sau đó được xe của công ty Sonadezi vận chuyển vào bãi xử lý rác. Định kỳ, hợp tác xã và công ty Sonadezi đều báo cáo tình hình thu gom và khối lượng rác vận chuyển gửi về UBND xã để giám sát, theo dõi. Khối lượng khoảng 4,2 tấn/ngày **đạt 100%**.

- Về quản lý rác thải y tế:

Trên địa bàn xã có 01 Trạm y tế, chất thải rắn y tế được phân loại, thu gom vận chuyển xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015. Khối lượng phát sinh 2kg/ngày.

- Về quản lý chất thải nguy hại: phân loại bằng hình thức sử dụng thùng rác 240 lít để chứa và khi đầy bên đơn vị xử lý rác của Trung tâm y tế thu gom xử lý.

- Về xử lý các bao bì thuốc BVTV:

Trên địa bàn xã có 01 bể chứa đựng bao bì thuốc BVTV khi chứa đầy xã trình phòng TNMT đến thu gom xử lý theo quy định.

-Về tổ chức thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp: Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất phải thu gom, sử dụng lại phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, chất đốt, thức ăn gia súc…Trên địa bàn xã không có hiện tượng vứt bừa bãi phụ phẩm nông nghiệp nơi công cộng cản trở giao thông.

- Về quản lý rác thải y tế:

Trên địa bàn xã có 01 Trạm y tế, chất thải rắn y tế được phân loại, thu gom vận chuyển xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58*/2*015/TTLT BYT-BTNMT ngày 31/12/2015. Khối lượng phát sinh 3kg/ngày.

- Về quản lý chất thải nguy hại: phân loại bằng hình thức sử dụng thùng rác 240 lít để chứa và khi đầy bên đơn vị xử lý rác của Trung tâm y tế thu gom xử

-Về tổ chức thu gom, xử lý phụ phẩm nông nghiệp: Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất phải thu gom, sử dụng lại phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón, chất đốt, thức ăn gia súc...Trên địa bàn xã không có hiện tượng vứt bừa bãi phụ phẩm nông nghiệp nơi công cộng cản trở giao thông.

**3. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản:**

Hiện tại trên địa bàn xã không có các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng phải lập thủ tục môi trường, tuy nhiên có phát sinh khoảng 55cơ sở thương mại dịch vụ nhỏ lẻ như các tạp hóa, tiệm sửa xe,... không có phát sinh chất thải nguy hại. Trong quá trình hoạt động các cơ sở cũng tuân thủ việc bảo vệ môi trường và không có ai khiếu nại của người dân xung quanh. Đối với nước thải xử lý qua bể tự hoại, rác thải giao cho đơn vị thu gom, xử lý đúng quy định, khí thải không phát sinh.

**4. Đánh giá:**

So với thời điểm đạt nông thôn mới, trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường luôn được Đảng và nhà nước quan tâm và chỉ đạo thực hiện đặc biệt là công tác bảo vệ môi trường tạo cảnh quang sáng - xanh – sạch – đẹp. Nhờ thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của người dân để quan tâm, nắm rõ các quy định về bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức trách nhiệm hơn trong công tác bảo vệ môi trường so với thời điểm đạt nông thôn mới năm 2015 đến nay, UBND xã đã tiến hành thực hiện tạo cảnh quan thêm 3 tuyến đường, nâng tổng số tuyến sáng - xanh – sạch – đẹp; Vận động nhân dân cam kết về bảo vệ môi trường đạt 100%.

**- Phương hướng nhiệm vụ thời gian tới:**

- Năm 2023: Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 100%, phân loại rác tại nguồn đạt 60%.

- Năm 2024: Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 100%, phân loại rác tại nguồn đạt 70%.

- Năm 2025: Thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp không nguy hại đạt 100%, phân loại rác tại nguồn đạt 100%.

Đồng thời, hàng năm có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường giao thông nông thôn đã xuống cấp theo thực trạng thực tế.

**- 17.3. Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:**

Từ năm 2015 khi xã Phước Bình được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến nay. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, Đảng ủy, UBND xã Bình Sơn quyết tâm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, UBND xã tổ chức tuyên truyền bằng nhiều hình thức như đài truyền thanh xã, các hội nghị, buổi họp từ xã đến các ấp, đến các tổ nhân dân vận động nhân dân, các cơ sở chăn nuôi thực hiện công tác vệ sinh môi trường trong chăn nuôi.

Tổng số hộ chăn nuôi trên địa bàn xã là 77 hộ chăn nuôi nhỏ lẽ, đa số các hộ chăn nuôi có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, có đăng ký thu gom rác thải sinh hoạt với hợp tác xã Quyết Tiến và Hợp tác xã Hồng Hà. Trong đó:

- Heo có 26 hộ đang chăn nuôi diện tích chuồng dưới 50 m2.

- Bò có 15 hộ đang chăn nuôi diện tích chuồng dưới 50 m2 .

- Gà có 37 hộ đang chăn nuôi diện tích chuồng dưới 50 m2.

- Dê có 02 hộ đang chăn nuôi diện tích chuồng dưới 50 m2

Tổng số 77 hộ chăn nuôi trên địa bàn đã được UBND xã tiến hành cho ký cam kết bảo vệ môi trường trong qua trình chăn nuôi theo quy định.

Năm 2019 do ảnh hưởng của dịch tà heo Châu phi nên trên địa bàn xã đã thực hiện tiêu hủy số lượng lớn heo.

Hiện trên địa bàn xã chỉ còn lại 26 hộ chăn nuôi heo nhỏ lẻ không có quy mô trang trại, trung bình khoảng 40 Con và hoàn toàn khuyến khích không tái đàn.

Các khu chuồng trại nuôi gà thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, chất thải chăn nuôi (phân, nước tiểu) được thu gom xử lý theo đúng quy định; không xả, chảy tràn trên mặt đất, không phát sinh mùi khó chịu ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh. Toàn bộ chuồng trại chăn nuôi gà trên địa bàn xã nằm cách biệt với nhà ở, nguồn nước, cụ thể:

+ Cách nhà ở và đường đi chung >5m, cuối hướng gió và có bể chứa phân, rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Khoảng cách từ trang trại đến trường học, khu dân cư, nơi thường xuyên tập trung đông người, đường giao thông chính, nguồn nước mặt đều lớn hơn 200m.

Nước thải trong chăn nuôi gà được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT: 2016/BTNMT, cụ thể: các trại chăn nuôi gà có phát sinh tổng lượng nước thải nhỏ hơn 01m3/ngày đều được xử lý qua lắng, ủ nước thải hợp vệ sinh. Phân gà được tận dụng làm phân bón.

Đối với việc xử lý rác thải sinh hoạt trong khu chăn nuôi: Các hộ chăn nuôi đã đăng ký dịch vụ thu gom rác thải (HTX Bình An) xử lý theo đúng quy định.

Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom, phân loại, lưu trữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

Các hộ chăn nuôi gà trên địa bàn xã cố gắng không để xảy ra khiếu kiện, tố cáo về vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường. Đối với những trường hợp các cơ sở bị khiếu kiện, tố cáo nhưng đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và cơ sở đã hoàn thành khắc phục hành vi vi phạm thì thống nhất tình vào đơn vị đã đạt tiêu chí này.

Hàng năm, các trang trại đều được thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về phí và thuế có liên quan đến môi trường (kê khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trng chăn nuôi).

Trong năm, UBND xã đã xây dựng kế hoạch, thành lập đoàn kiểm tra các cơ sở chăn nuôi. Tiến hành kiểm tra 01 đợt đối với các cơ sở chăn nuôi. Lập biên bản kiểm tra và nhắc nhở, yêu cầu các cơ sở đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình chăn nuôi. Đồng thời, ký cam kết di dời theo lộ trình đã đề ra.

Qua kiểm tra nhìn chung trong thời gian qua công tác môi trường trong các cơ sở chăn nuôi được thực hiện tốt, trong năm trên địa bàn xã không xảy ra các vấn đề lớn về o nhiễm môi trường. Các cơ sở chăn nuôi đều kê khai nộp phí bảo vệ môi trường; thực hiện cam kết bảo vệ môi trường đầy đủ. Đồng thời, đoàn kiểm tra tiếp tục tuyên truyền vận động các hộ chăn nuôi thực hiện di dời đoàn kiểm tra tiếp tục tuyên truyền vận động các hộ chăn nuôi thực hiện di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi đảm bảo đúng kế hoạch, lộ trình đề ra.

**- Giải pháp trong thời gian tới:**

+ Công tác tuyên tuyền:

Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: đài truyền thanh, thông báo trực tiếp đến từng hộ chăn nuôi thuộc diện phải di dời.

Giới thiệu thông tin cho các hộ dân chăn nuôi biết về vùng phát triển chăn nuôi tập trung trên địa bàn xã.

Thực hiện tốt công tác dân vận cụ thể là các ban ngành, đoàn thể và 06 ấp tích cực tham gia vận động các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu dân cư gây ảnh hưởng môi trường di dời vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi theo lộ trình kế hoạch. UBND xã đã thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức như: đài truyền thanh xã, thông báo và tổ chức làm việc với các cơ sở chăn nuôi thuộc diện phải di dời để thực hiện kiế hoạch đề ra. Cùng với giá cả đầu ra gia súc, gia cầm trong những năm vừa qua giảm mạnh nên các hộ dân nuôi đã thực hiện giảm đàn và chuyển đổi sang nghề nghiệp khác.

+ Giải pháp tài chính, tín dụng và cơ chế chính sách:

Ưu tiên vay vốn cho các tổ chức, cá nhân đầu tư trang trại chăn nuôi vào vùng khuyến khích chăn nuôi tập trung.

Hỗ trợ kinh phí kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm, dịch bệnh, môi trường, chi phí công nhân cơ sở an toàn dịch bệnh, chứng nhận các cơ sở chăn nuôi theo các chương trình hỗ trợ của nhà nước.

Đánh giá tiêu chí đạt: Tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường (tỷ lệ đạt 100%).

**- 17.4. Xã có tổ chức tự quản về môi trường:**

Từ năm 2016 khi xã Phước Bình được UBND Tỉnh Đồng Nai công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, Đảng ủy, UBND xã Phước Bình quyết tâm thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm đảm bảo công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã.

Đảng ủy quan tâm chỉ đạo UBND xã, UBMTTQ xã quyết định thành lập các tổ tự quản về bảo vệ môi trường kèm theo quy chế hoạt động hương ước và phân công cụ thể trách nhiệm cho từng thành viên trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã.

Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, thường xuyên tổ chức công tác dọn dẹp vệ sinh chung trên địa bàn toàn xã, như: Ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, ngày chủ nhật xanh, sạch, đẹp, …

Các tuyến đường liên ấp, liên xã được đăng ký tuyến đường “sáng, xanh, sạch, đẹp”, giao cho các ban ngành đoàn thể quản lý và gắn bảng tên đường cụ thể.

UBND xã đã thành lập và kiện toàn Tổ tự quản quản lý về vệ sinh môi trường kèm theo quy chế hoạt động tại Quyết định số 25, 26, 27, 29, 30, 31/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND xã Phước Bình về việc Thành lập tổ tự quản quản lý công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã Bình Sơn và Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND xã Phước Bình về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Tổ tự quản về môi trường xã Phước Bình.

UBND xã đã tổ chức ra quân vệ sinh môi trường và trồng cây cỏ đậu, hoa mười giờ, hoa hoàng yến, hoa chiều tím: được 3 đợt với 350 người tham gia với kết quả đã dọn dẹp được 11km đường giao thông nông thôn. Vận động nhân dân trồng cây xanh, dọc trên các tuyến đường của xã.

Đầu năm 2021, UBND xã nhân rộng mô hình sáng – xanh – sạch – đẹp các tuyến đường trên địa bàn xã. Với nội dung: *Tiêu chí sáng*: Tất cả các tuyến đường trong khu dân cư ấp 1, ấp 2, ấp 3, ấp 5, ấp 6 đều có điện chiếu sáng; 100% hộ gia đình có điện thắp sáng. *Tiêu chí xanh:* 100% hộ gia đình tại các tuyến đường có cây xanh trồng trong khuôn viên gia đình, trước nhà và các tuyến đường chạy qua nhà đều được trồng hoa hoàng yến, cây cỏ đậu; cây xanh được cắt tỏa gọn gàng không để cành nhánh ngã ra đường gây ảnh hưởng việc lưu thông. *Tiêu chí sạch:* 100% hộ các tuyến đường trên địa bàn có nhà vệ sinh tự hoại, có nơi xử lý và phân loại rác thải, tập kết rác về nơi tập trung theo quy định; 100% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh theo quy định. *Tiêu chí sạch, đẹp*: 100% các tuyến đường trên địa bàn đều được bê tông. 100% hộ gia đình trong khu dân cư có môi trường sinh hoạt thoáng mát hợp vệ sinh, có cây xanh, đường làng ngõ xóm sạch sẽ, sử dụng nước sạch, có nhà văn hóa.

Trên địa bàn xã có 92 tuyến đường, ngõ hẽm. Trong đó có khoảng hơn 30 tuyến đường, ngõ hẽm nằm trong khu dân cư, các tuyến đường ngõ hẽm còn lại ít dân sinh sống. UBND xã đã phân công cho các tổ tự quản trên địa bàn xã, các đoàn thể quản lý và thường xuyên dọn dẹp vệ sinh các tuyến đường được Đảng ủy, UBND, UBMTTQ xã đánh giá và chấm điểm đảm bảo các chỉ tiêu về “ sáng, xanh, sạch, đẹp”.

Các tuyến đường tự quản đều được UBMTTQ xã thành lập tổ giám sát và kiểm tra thực địa, định kỳ lập bảng đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện.

**- 17.5. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người:**

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt chuẩn, đảm bảo vệ sinh an toàn đối với khu vực sinh hoạt của con người là 100% (4104/4104 hộ)

**- 17.6. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở "xanh - sạch - đẹp":**

Từ năm 2015 khi xã Phước Bình được UBND tỉnh Đồng Nai công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến nay, được sự lãnh đạo, chỉ đạo của huyện ủy, UBND huyện, Đảng Ủy, UBND xã Phước Bình quyết tâm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hàng năm UBND xã Phước Bình đều xây dựng các kế hoạch tuyên truyền, kế hoạch thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, tổ chức các hoạt động ngày môi trường thế giới, chiến dịch giờ trái đất, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, ngày đa dạng sinh học…

UBND xã Phước Bình đối với khu vực dân cư sống tập trung đều tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường , nhung vẫn còn một số hộ do tuyến đường thu gom không thuận tiện nên tự người dân thu gom và xử lý tại chỗ, đào các hố tự xử lý theo quy định để chôn lấp tại vị trí phù hợp và đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn xanh, sạch, đẹp.

Đối với các đườg ngõ xóm đều xanh, sạch, đẹp. Hàng năm, UBND xã Phước Bình đều thực hiện dọn dẹp vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ hai bên đường.

**Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức của người dân về bảo vệ môi trường.**

Công tác tuyên truyền được UBND xã Phước Bình quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau, nhằm nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường; Đồng thời vận động tất cả các hộ dân trên địa bàn chỉnh trang cảnh quan sân vườn, cổng ngõ. Cụ thể:

- Tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh xã với khoảng 53 tin bài, tổng thời lượng khoảng 3050 phút.

- Tuyên truyền bằng băng rôn, biểu ngữ (treo tại Nhà văn hóa ấp và trên các tuyến đường liên ấp), tổng chiều dài khoảng 180m băng rôn.

- Tuyên truyền thông qua các buổi sinh hoạt cộng đồng của BND ấp, của các chi hội đoàn thể ấp.

**Nội dung tuyên truyền bao gồm:**

- Tuyên truyền về các quy định, hướng dẫn về thủ tục môi trường và việc thực hiện hệ thống xử lý đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh và các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm;

- Tuyên tuyền hưởng ứng các ngày lễ về môi trường trong năm theo kế hoạch của tỉnh, huyện, xã;

- Tổ chức tuyên truyền và vận động nhân dân trên địa bàn xã giữ vệ sinh môi trường nơi cư trú; thực hiện đăng ký thu gom rác thải và xây dựng cảnh quan “sạch nhà, đẹp ngõ”.

- Tuyên truyền và nhắc nhở các cơ sở sản xuất kinh doanh, hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm phải đảm bảo môi trường không để rò rỉ khí thải, nước thải và chất thải gây ảnh hưởng môi trường;

- Tuyên truyền, vận động người dân tham gia các đợt ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã đảm bảo “Sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

**Về công tác bảo vệ môi trường, xây dựng các tuyến đường sáng, xanh, sạch, đẹp:**

- Thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường của UBND huyện, hàng năm UBND xã đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác tuyên truyền bảo vệ tài nguyên - môi trường, vận động người dân tích cực tham gia xây dựng các tuyến đường “ sáng, xanh, sạch, đẹp”.

- Đảng ủy xã đã chỉ đạo UBND xã đã phối hợp với UBMTTQ xã và các đoàn thể chính trị - xã hội tham muu cho Đảng ủy xã ban hành kế hoạch liên tịch số về việc xây dựng các tuyến đường “ sáng, xanh, sạch, đẹp” và giao cho các đoàn thể chính trị - xã hội quản lý thực hiện công tác vận động nhân dân thu dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, trồng cây xanh, hoa cỏ đậu, đóng góp gắn đèn chiếu sáng nơi công cộng.

- Về xử lý nước thải: Tất cả các hộ dân, các cơ sở kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn xã đều có hệ thống xử lý nước thải theo hình thức hầm tự hoại. Vì vậy nước thải phát sinh của hộ gia đình cá nhân được xử lý bằng đường ống dẫn vào hầm chứa đã xây sẵn sau đó thẩm thấu tự nhiên vào lòng đất khu vực rẫy phía sau nhà ở của hộ gia đình đáp ứng được lượng nước thải phát sinh trong sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và đảm bảo không tràn ra đường và không gây ô nhiễm môi trường.

- Về thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt: Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn xã: 100%. (tỷ lệ hộ đăng ký thu gom + tỷ lệ hộ tự xử lý rác) / tổng số hộ dân trên địa bàn.

- Các khu vực công cộng không để xảy ra tình trạng xả nước thải, chắc thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan và ô nhiễm môi trường.

- Hồ ao, kênh mương, cống rãnh, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng thường xuyên được vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp.

- Đảng ủy, UBND, UBMTTQ xã thường xuyên có kế hoạch ra quân phát quang dọn cỏ, chỉnh trang vườn, hàng rào, cổng ngõ, quét dọn đường làng ngõ xóm, các tuyến đường, các địa điểm công cộng và khu dân cư tập trung , trang trí các loại cây xanh tại từng hộ gia đình. Kết quả ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường, phát cỏ, tại các tuyến đường, khơi thông cống rãnh mương thoát nước, don dẹp vệ sinh môi trường xung quanh trụ sở các ấp, trụ sở UBND xã , trồng cỏ lạc trên các tuyến đường với số lượng khoảng 50 cây hồng lộc, 200 hoàng yến, 500 bụi hoa mười giờ…vv. UBND xã đã cử nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tham gia lao động. phát quang hành lang đường GTNT, nạo vét cống, kênh mương. Thu gom 0.3 tấn rác thải sinh hoạt. phát quang bụi rậm, đường giao thông.

Trên địa bàn xã có 01 điểm trung chuyển rác tại ấp 6 xã Phước Bình. Đơn vị thu gom rác sinh hoạt là HTX Hồng Hà và HTX Quyết Tiến, hiện nay rác thải được thu gom chuyển đến bãi rác trung chuyển tạm sau đó thu gom và vận chuyển rác thải về nhà máy xử lý rác tại khu xử lý quang trung, thuộc huyện Thống nhất để xử lý.

**Về công tác cải tạo, chỉnh trang vườn, cổng, ngõ:**

Trên địa bàn xã có 4104/4104 hộ gia đình ( đạt 100%) tổng số hộ toàn xã thực hiện cải tạo vườn, chỉnh tranh hàng rào và cổng vào các hộ gia đình đều không lầy lội.

**So sánh với năm 2015 – thời điểm đạt nông thôn mới:**

Trong những năm qua, công tác bảo vệ môi trường luôn được Đảng và nhà nước quan tâm và chỉ đạo thực hiện đặc biệt là công tác bảo vệ môi trường tạo cảnh quang sáng – xanh – sạch – đẹp. Nhờ thực hiện thường xuyên công tác tuyên truyền đã nâng cao nhận thức của người dân để quan tâm, nắm rõ các quy định về bảo vệ môi trường và nâng cao ý thức trách nhiệm hơn trong công tác bảo vệ môi trường so với thời điểm đạt nông thôn mới năm 2015 đến nay, UBND xã đã tiến hành thực hiện tạo cảnh quan thêm 6 tuyến đường, nâng tổng số tuyến sáng – xanh – sạch – đẹp lên tổng 12 tuyến; Vận động nhân dân cam kết về bảo vệ môi trường đạt 100%.

**+ Phương hướng nhiệm vụ thời gian tới:**

- Năm 2022: thực hiện thêm 3 tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp.

- Năm 2023: thực hiện thêm 6 tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp.

- Năm 2024: thực hiện thêm 9 tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp.

- Năm 2025: thực hiện thêm 12 tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp.

- Các nội dung thực hiện như phát quang bụi rậm, cỏ dại, trồng cây xanh, hoa, lắp đặt các bảng tuyên truyền về môi trường. Tuyên truyền vận đồng người dân tạo cảnh quan trước nhà, thường xuyên dọn dẹp tạo cảnh quan môi trường sáng – xanh – sạch – đẹp.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.18. Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn: Đạt.

+ Chỉ tiêu 18.2. Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đạt.

+ Chỉ tiêu 18.3. Chính quyền xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt.

+ Chỉ tiêu 18.4. Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh: Đạt.

+ Chỉ tiêu 18.5. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên: Đạt

+ Chỉ tiêu 18.6. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Đạt.

+ Chỉ tiêu 18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội: Đạt.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh

+ 18.2. Xã có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới

+ 18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh

+ 18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**+ 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định của tỉnh:**

Căn cứ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 06/11/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Hiện UBND xã Phước Bình đã bố trí 21/25 biên chế cán bộ, công chức (gồm: 11 cán bộ chuyên trách và 10 công chức). Trình độ của cán bộ công chức như sau:

**- Cán bộ chuyên trách:**

+ Đạt chuẩn về trình độ học vấn: 11/11

+ Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn: 11/11 cán bộ. Trong đó: (Thạc sĩ: 03 người; Đại học: 08 người)

+ Đạt chuẩn về trình độ chính trị: 11/11 cán bộ (Cao cấp: 02 người; Cử nhân: 02 người; Trung cấp: 7 người)

+ Đạt chuẩn trình độ QLNN: 11/11 cán bộ.

**- Công chức:**

+ Đạt chuẩn về trình độ học vấn: 10/10

+ Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn: 10/10 công chức (Đại học: 9 người; Cao đẳng: 01 người Chức danh Trưởng BCH – Quân sự xã)

+ Đạt chuẩn về trình độ chính trị: 10/10 công chức (Trung cấp: 10 công chức)

+ Đạt chuẩn trình độ QLNN: 8/10 công chức (Chức danh Trưởng Công An xã và Trưởng BCH Quân sự xã không có)

**+ 18.2. Xã có bố trí công chức thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới**

Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn nêu trên, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của địa phương trong xây dựng xã nông thôn mới, được sự thống nhất của Ban Thường vụ Đảng ủy xã, UBND xã Phước Bình đã phân công Ông Trần Hoàng Hải – Công chức Địa chính- xây dựng- nông nghiệp- môi trường thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới *(Đính kèm quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND xã).*

Về trình độ chuyên môn của công chức được phân công nhiệm vụ chuyên trách xây dựng nông thôn mới xã Phước Bình: Cử nhân Địa chính.

Về trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.

Về trình độ quản lý nhà nước: Chuyên viên.

Về trình độ ngoại ngữ, tin học: Trình độ B Tiếng Anh và trình độ A Tin học văn phòng.

**+ 18.3. Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đạt danh hiệu vững mạnh:**

\* Kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao của UBMTTQ xã năm 2021.

- Báo cáo thực hiện nông thôn mới nâng cao của UBMTTQ xã năm 2021.

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

\* Kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao của công đoàn xã năm 2021.

Báo cáo thực hiện nông thôn mới nâng cao của công đoàn xã năm 2021.

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

\* Kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao của Hội LHPN xã năm 2021.

- Báo cáo thực hiện nông thôn mới nâng cao của Hội LHPN xã năm 2021.

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

\* Kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao của Hội CCB xã năm 2021.

- Báo cáo thực hiện nông thôn mới nâng cao của Hội CCB xã năm 2021.

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

\* Kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao của Hội nông dân xã năm 2021.

- Báo cáo thực hiện nông thôn mới nâng cao của Hội nông dân xã năm 2021.

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

\* Kế hoạch thực hiện nông thôn mới nâng cao của Đoàn cơ sở xã năm 2021.

- Báo cáo thực hiện nông thôn mới nâng cao của Đoàn cơ sở xã năm 2021.

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

**+ 18.4. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã:**

Ban thường trực UBMTTQVN xã xây dựng kế hoạch và triển khai đến 6 Ban công tác MT các ấp. phối hợp với các ban nghành đoàn thể từ xã đến ấp tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân về mục đích ý nghĩa việc tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành trên địa bàn toàn xã.

* Tổng số phiếu phát ra 2900 phiếu/ 4041 hộ đạt 71,76 hộ dân%. Kết quả khảo sát từng nội dung sau.

1. **Ông/bà biết các loại giấy tờ, hồ sơ thông qua hình thức nào sau đây:**

Công khai tại UBND xã, Internet, báo chí, Hướng dẫn của công chức nhà nước, người thân

☐ Công khai tại UBND xã: 2850/2900 phiếu, đạt 98.2%

☐ Internet, báo chí xã: 25/2900 phiếu , đạt 0.86%

☐ Hướng dẫn của công chức nhà nước: 1625/2900 phiếu, đạt 56.8%

☐ Người thân : 19/2900 phiếu , đạt 0.65%

1. **Ông/bà nộp hồ sơ bằng hình thức.**

☐ Tự làm : 2815/2900 phiếu , đạt 97%

☐ Nhờ người thân 50/2900 phiếu, đạt 0.17%

☐ Dịch vụ : 00 phiếu.

1. **Việc niêm yết công khai hồ sơ, thủ tục hành chính tại UBND xã**?

☐ Dễ tra cứu : 1655/2900 phiếu, đạt 5706%

☐ Khó tra cứu : 00 phiếu

☐ Có niêm yết : 2700/2900 phiếu, đạt 57.06%

☐ Không niêm yết : 00 phiếu.

1. **Việc trang bị ghế, máy điều hòa để người dân chờ giải quyết hồ sơ?**

☐ Đầy đủ : 2855/2900 phiếu, đạt 98,44%

☐ Không đầy đủ :28/2900 phiếu, đạt 0.96%

☐ Không trang bị : 00 Phiếu

1. **Thái độ phục vụ của người tiếp nhận hồ sơ?**

☐ Tận tình : 2560/2900 Phiếu, đạt 91.37%

☐ Bình thường : 250/2900 phiếu, đạt 8.62%

☐ Không tận tình : 00 phiếu

1. **Việc giải thích, hướng dẫn của người tiếp nhận hồ sơ.**

☐ Đầy đủ : 2879/2900 phiếu, đạt 9.2%

☐ Không đầy đủ : 5/2900 phiếu, đạt 0.17%

☐ Qua loa : 00 phiếu.

1. Tinh thần trách nhiệm của người tiếp nhận hồ sơ?

☐ Có trách nhiệm : 2780/2900 Phiếu, đạt 95.8%

☐ Bình thường : 285/2900 phiếu, đạt 9.8%

☐ Thiếu trách nhiệm: 00 phiếu

1. **Trong thời gian giải quyết hồ sơ, công chức có gợi ý biếu tiền, quà?**

☐ Có : 00 phiếu

☐ Không : 2900/2900 phiếu, đạt 100%

1. **Số lần ông/bà phải bổ sung hồ sơ, giấy tờ?**

☐ Không : 2822/2900 phiếu, đạt 97.3%

☐ 01 lần : 175/2900 phiếu , đạt 6.03%

☐ 02 lần :15/2900 phiếu, đạt 0.5%

☐ Trên 02 lần : 00 phiếu

1. **Thời gian giải quyết hồ sơ**

☐ Đúng hẹn : 2875/2900 phiếu, đạt 99%

☐ Trễ hẹn Dưới 5 ngày : 7/2900 phiếu, đạt 0.5%

☐ Từ 05- 10 ngày : 00 phiếu

☐ Trên 10 ngày : 00 phiếu

1. **Chuyển biến trong giải quyết hồ sơ trong thời gian qua.**

☐ Có chuyển biến tốt , Chưa chuyển biến, Tệ hơn trước. Kết quả khảo sát như sau, Sắp tới Ủy ban nhân dân xã Phước Bình cần đẩy mạnh hơn nữa, phát huy tinh thần, trách nhiệm của cán bộ công chức cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả trong tiếp và giải quyết công việc cho người dân và tổ chức hơn nữa, qua đó góp phần vào xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

**+ Chỉ tiêu 18.7. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.**

Căn cứ hướng dẫn số 03/HD-LĐTBXH ngày 17/2/2017 của sở LĐTBXH tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn đánh giá, thẩm định kết quả xã đạt Chuẩn các tiêu chí nông thôn mới thuộc Chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tinghr Đồng Nai của ngành Lao động-thương binh xã hội giai đoạn 2016-2020.

UBND xã Phước Bình báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí thành phần số 18.7 nội dung 1Tổng số Ban chấp hành Đảng bộ xã Phước Bình : 10 người.

+ Xã Phước Bình luôn chủ động xây dựng quy hoạch cơ cấu chức danh lãnh đạo là nữ, hiện tại có 05 đồng chí được bầu Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ xã Phước Bình (5/10) đạt 50%.

+ Hàng năm UBND xã căn cứ thực tế tại địa phương, tổ chức họp bình xét, công khai, lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, dân chủ, khách quan, bình xét hộ nghèo, đối tượng cho vay, ổn định đạt hiệu quả thoát nghèo bền vững, chưa có hiện tượng cho vay không đúng mục đích.

+ Tính đến thời điểm tháng 12 năm 2020 trên địa bàn xã không trường hợp nào tảo hôn, cưỡng ép kết hôn.

+ Đài truyền thanh xã hàng ngày tiếp âm các chương trình thời sự Đài tiếng nói Việt Nam, tiếp âm Đài truyền thanh huyện, thường xuyên cập nhật, biên tập và phát các bản tin, nội dung của địa phương được thực hiện xuyên suốt, hệ thống phát thanh các cụm loa đều phủ sóng trên 6 ấp, cán bộ phụ trách đài đều được trang bị, các thiết bị đầy đủ có laptop, có dữ liệu băng đĩa lưu trữ tại bộ phận quản lý Đài truyền thanh của xã.

+ Hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch, tuyên truyền pháp luật, các chủ trương chính sách của Đảng pháp luật nhà nước, xây dựng kế hoạch chuyên đề về bình đẳng giới.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện: Đạt.**

**4.19. Tiêu chí 19: Quốc phòng - An ninh.**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

- Theo Quyết định số 4466/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh

+ Chỉ tiêu 19.1: Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng: Đạt.

+ Chỉ tiêu 19.2: Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, TTXH và đảm bảo bình yên, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xãy ra trọng án, tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước: Đạt.

- Theo Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh.

+ 19.1. An ninh Trật tự xã hội được giữ vững; Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự.

+ 19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

**+ 19.1. An ninh Trật tự xã hội được giữ vững; Xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự:**

Công an xã đã tham mưu Đảng ủy, UBND xã xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo như Nghị quyết chuyên đề, kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng Công an xã.

Công an xã đã xây dựng các kế hoạch công tác thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

Đã tham mưu Đảng ủy – UBND xã triển khai thực hiện Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/04/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn “An toàn ANTT” năm 2022.

Triển khai thực hiện các kế hoạch chuyên đề công tác đảm bảo an ninh, trật tự, trong đó trọng tâm là các kế hoạch: Kế hoạch tuần tra bảo đảm ANTT; Kế hoạch giải tỏa buôn bán, lấn chiếm lòng lề đường; Kế hoạch thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản; Kế hoạch tổng kiểm tra hành chính trên địa bàn; Kế hoạch thu gom VK, VLN, CCHT; Kế hoạch truy bắt, vận động đ/t truy nã, trốn thi hành án…

1. **Yêu cầu 01:**

- Đảng ủy đã ban hành các Nghị quyết chuyên đề, UBND xây dựng các kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, xây dựng lực lượng Công an xã.

- Trên địa bàn xã đã cũng cố, duy trì hoạt động 64 tổ nhân dân, với 128 cán bộ tổ, hàng tháng mỗi tổ được hỗ trợ 300.000đ. Đội dân phòng có 15 thành viên, duy trì công tác tuần tra trên địa bàn. Tổ tự quản về ANTT gồm 6 tổ với 70 thành viên bố trí ở 6 ấp, CLB thắp sáng niềm tin 20 thành viên; 02 CLB Phụ nữ với Pháp luật gồm 60 thành viên, mô hình câu lạc bộ “Zalo đảm bảo ANTT ở khu dân cư”.

Kết quả: Đạt.

1. **Yêu cầu 02:**

Trong năm 2022 không xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội.

Kết quả: Đạt

**3. Yêu cầu 03:**

- Không để xảy ra trọng án.

Kết quả: Đạt.

**4. Yêu cầu 04:**

- Tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế, kéo giảm so với các năm trước.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Năm | Ma túy | Trộm cắp | Cờ bạc | Nghiện hút | Tội phạm khác |
| 1 | 2020 | 9 | 3 | 6 | 13 | 0 |
| 2 | 2021 | 3 | 2 | 1 | 14 | 4 |
| 3 | 25/6/2022 | 2 | 1 | 0 | 14 | 0 |
| Tổng |  | Giảm | Giảm | Giảm | Không +,- | Giảm |

Kết quả: Đạt.

**5. Yêu cầu** 5

Xã Phước Bình không thuộc xã trọng điểm, phức tạp về ANTT

Kết quả: Đạt.

**6. Yêu cầu 6**

Năm 2022 UBND xã Phước Bình đã triển khai và đăng ký thực hiện xã đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo Thông tư số 124/2021/TT-BCA của Bộ Công an (thay thế Thông tư số 23) quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt chuẩn “An toàn về ANTT”, đối chiếu theo các chỉ tiêu thì trong 6 đầu năm xã Phước Bình đạt chuẩn “An toàn về ANTT”.

Năm 2020 và 2021 UBND huyện Long Thành công nhận xã Phước Bình đạt chuẩn “An toàn về ANTT” theo Quyết định số 7872/QĐ-UBND ngày 2/12/2020 và Quyết định số Quyết định số 12731/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 (có QĐ kèm theo).

Kết quả: Đạt.

**7. Yêu cầu 7**

Năm 2020 tập thể Công an xã đạt “Đơn vị tiên tiến”

Năm 2021 tập thể Công an xã đạt “ Hoàn thành nhiệm vụ”

Trong 6 tháng đầu năm công an xã không có trường hợp nào bị kỷ luật.

Kết quả: Đạt.

**\* Kết luận**: đạt 7/7 yêu cầu

**+ 19.2. Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự - quốc phòng.**

**1. Thuận lợi**

Trong năm 2021 tình hình An ninh - chính trị trên địa bàn xã ổn định, cán bộ đảng viên và nhân dân luôn tin tưởng vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, quyết tâm thực hiện thắng lợi chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội, QP-AN năm 2021.

Công tác QP-AN không ngừng được tăng cường, củng cố, ngày càng đi vào chiều sâu, hiệu quả, có sự phối hợp hoạt động chặt chẽ với các ngành, các cấp. LLVT xã được tập trung xây dựng, chất lượng tổng hợp ngày càng được nâng cao, góp phần cùng toàn đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ trong xây dựng và phát triển địa phương ngày càng giàu mạnh.

**2. Khó khăn**

Tình hình tội phạm hình sự, ma túy, đánh bạc trá hình biến tướng với nhiều hình thức tinh vi, trộm cắp tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức khó lường. Mặt khác giá cả nhảy vọt, tình trạng phân lô, bán nền, san lấp mặt bằng chưa được giải quyết dứt điểm cũng là một trong những nguy cơ gây mất ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn.

Bên cạnh đó, tình hình dịch Covid-19 gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân lao động tại địa phương, tình hình kinh tế diễn biến phức tạp, giá cả thị trường biến động thất thường, gây ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nhân dân lao động trên địa bàn nói chung, lực lượng vũ trang xã nói riêng hết sức khó khăn..

Nhận rõ những tình hình trên, Đảng ủy-UBND xã, Ban CHQS xã đã khắc phục mọi khó khăn, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác QPĐP, DQTV, GDQP-AN trong năm 2021 đạt được những kết quả sau:

**\* Ban hành đầy đủ, có chất lượng các văn bản về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng địa phương hàng năm theo quy định số 50/QĐ-BCH ngày 30/01/2018. Hoàn thành 95% chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức QPAN và các đối tượng khác. (ĐẠT)**

**-** Đã tham mưu ban hành đầy đủ các văn bản theo quy định 50 ngày 30/1/2018 của Bộ CHQS tỉnh.

**-** Tham mưu UBND xã ban hành quyết định kiện toàn Hội đồng GDQP-AN theo Hướng dẫn 1372/HD-BTM ngày 20/3/2017 của Bộ Tham mưu Quân khu đảm bảo đúng cơ cấu thành phần quy định.

**-** Năm 2021 đã tham mưu Hội đồng GDQP-AN xã lập danh sách và cử các đối tượng thuộc diện bồi dưỡng KTQP-AN (**nhưng vì lý do dịch bệnh Covid-19 nên Hội đồng GDQP-AN huyện chưa mở lớp).**

- Năm 2022 bồi dưỡng cho đối tượng 3 được 03/03 đ/c.

**\* Xây dựng lực lượng dân quân đạt 100% chỉ tiêu, tỷ lệ Đảng viên trong dân quân đến năm 2021 đạt 25% trở lên. Biên chế quân nhân dự bị đạt 98% vào đơn vị DBĐV; tỷ lệ Đảng viên trong quân nhân dự bị đạt 10.44%. Chất lượng và độ tin cậy trong DQTV và Dự bị động viên đạt cao. ( ĐẠT )**

**- Xây dựng LLDQ:**

Tổng số LLDQTV: 134 đồng chí đạt tỷ lệ 1.55% so với dân số, đạt 100% chỉ tiêu trên giao.

+ Đã biên chế:

**-** 01 đồng chí Chính trị viên

**-** 01 đồng chí Chỉ huy trưởng

**-** 01 đồng chí Chính trị viên phó

**-** 01 nguồn phó CHT (Đang đi học CĐ).

+ Lực lượng thường trực: Biên chế 01 tiểu đội quân số 09 đồng chí, trong đó đảng viên 03/09 đồng chí, Trung kiên 02/09 đồng chí.

+ Ấp đội trưởng: Tổ chức biên chế quân số 06 đồng chí, Đảng viên 06/06 đồng chí đạt tỷ lệ 100%.

+ Lực lượng cơ động: Biên chế 01 Trung đội gồm 28 đồng chí, trong đó bt’ DQCĐ 01 đồng chí và at’ DQCĐ 03 đồng chí. Đảng viên 04 đồng chí có tổ đảng.

+ Lực lượng Dân quân tại chỗ: Biên chế 54 đồng chí.

+ Lực lượng Binh chủng: 33 đồng chí trong đó: Tiểu đội Trinh Sát: 06 đồng chí; Tổ Hóa học: 06 đồng chí; Tổ Thông Tin: 06 đồng chí; Tổ Công Binh: 06 đồng chí; Tổ Y Tế: 06 đồng chí; 01 khẩu đội Cối 60: 03 đồng chí.

- Chất lượng: Đảng viên trong LLDQ: 35 đồng chí, đạt tỷ lệ Đảng viên: 26.11%; Đoàn viên: 101 dân quân, đạt tỷ lệ 100%.

**b. Xây dựng DBĐV**

- Lực lượng DBĐV được biên chế 272 đồng chí, trong đó SQ: 22 đồng chí, HSQ-BS: 250 đồng chí. đạt 100%.

- Tỷ lệ Đảng viên trong QNDB 29/272 đồng chí, đạt 10.66%.

- Đảng viên trong Sĩ quan dự bị 12/22 đ/c đạt 54,5%

**\* Xây dựng chi bộ quân sự có chi ủy, trong đó trung đội dân quân cơ động có tổ đảng, 100% cán bộ trung đội và 90% cán bộ ấp đội trưởng là đảng viên, chi bộ Quân sự đạt trong sạch vững mạnh (theo hướng dẫn của Đảng ủy xã về phân loại tổ chức Đảng và Đảng viên hàng năm). Hàng năm Chi bộ Quân sự kết nạp được từ 1-2 DQ vào đảng. Xây dựng Chi Đoàn quân sự xã đạt vững mạnh xuất sắc, tỷ lệ Đoàn viên trong DQ đạt 60% trở lên (ĐẠT)**

**-** Chi bộ quân sự có chi ủy. Tổng số đảng viên 11 đồng chí (có 11 chính thức, 0 dự bị), bí thư Chi bộ là Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm.

**-** Trung đội DQCĐ có 01 tổ Đảng (04 đồng chí).

**-** Ấp đội trưởng có 06/06 đồng chí là Đảng viên đạt 100% (vượt 10%).

**-** Ban CHQS xã Phước Bình năm 2020 đạt đơn vị VMTD theo Quyết định 311/QĐ-BCH ngày 11/02/2020 của Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai. Năm 2021 đạt đơn vị VMTD.

**-** Chi bộ quân sự năm 2021 đạt trong sạch vững mạnh.

**-** Chi đoàn quân sự xã đạt vững mạnh cụ thể: Bí thư Chi đoàn do Phó chỉ huy trưởng Ban CHQS xã kiêm nhiệm, đoàn viên trong Chi đoàn Quân sự 09 đồng chí, hàng năm chi đoàn giới thiệu cho Đảng xem xét kết nạp từ 1-2 đ/c, tỷ lệ đoàn viên (đạt 100%).

**\* Phối hợp tuyển chọn, cử cán bộ đào tạo trung cấp, Cao đẳng, Đại học quân sự cơ sở khi có kế hoạch, 100% cán bộ Ban CHQS xã (CHT, CHP) qua đào tạo chuyên ngành quân sự cơ sở, giữ vững tỷ lệ 42% cán bộ ban CHQS xã có trình độ Cao đẳng, Đại học quân sự cơ sở; Chỉ huy trưởng là Đảng ủy viên và là thành viên của UBND xã. Ban CHQS xã hoàn thành tốt nhiệm vụ Quốc phòng địa phương hàng năm do Ban CHQS huyện, thị xã, thành phố công nhận; hàng năm xây dựng Ban CHQS xã đạt đơn vị VMTD (theo đề án 1740 ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh) và được các cấp khen thưởng các danh hiệu thi đua. (ĐẠT)**

**-** Ban CHQS xã:

+ Chỉ huy trưởng qua đào tạo Cao đẳng quân sự cơ sở tại trường Quân sự QK7, là Đảng ủy viên và là thành viên UBND xã.

**+** 01 LLTT đang đi đào tạo cao đẳng tại Trường quân sự Quân khu 7.(nguồn phó CHT quân sự)

**-** Ban CHQS xã năm 2020 đạt đơn vị VMTD theo Quyết định 311/QĐ-BCH ngày 11/02/2020 của Bộ CHQS tỉnh Đồng Nai. Năm 2021 đạt đơn vị VMTD.

**\* Hoàn thành 100% chỉ tiêu giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự cho dân quân, DBĐV; quân số tham gia huấn luyện đạt 100% trở lên. Kết quả kiểm tra có 100% đạt yêu cầu, trong số đó có trên 75% khá giỏi; hoàn thành tốt chỉ tiêu diễn tập chiến đấu phòng thủ và tham gia hội thi, hội thao đạt kết quả khá, giỏi trở lên, bảo đảm an toàn tuyệt đối về lực lượng, phương tiện. (ĐẠT)**

**-** Giáo dục chính trị, tư tưởng, pháp luật cho lực lượng DQTV, DBĐV tham gia huấn luyện năm 2021 đảm bảo nội dung, thời gian theo kế hoạch. Bên cạnh đó hướng dẫn cán bộ chiến sĩ tích cực tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, tổ chức tham gia có hiệu quả phong trào thi đua LLVT xã Phước Bình chung sức xây dựng nông thôn mới.

- Ban CHQS xã tổ chức đưa 30đ/c LLDQ năm thứ nhất huấn luyện tại cụm 2, thời gian 15 ngày. Kết quả kiểm tra có 100% đạt yêu cầu trong đó có 75% khá, giỏi.

**-** Xây dựng kế hoạch trình Ban CHQS huyện phê duyệt và tổ chức HL cho 54 đ/c LLDQ tại chỗ: Kết quả kiểm tra có 100% đạt yêu cầu trong đó có 75% khá, giỏi và 28 đ/c bDQCĐ thời gian: 12 ngày. Kết quả kiểm tra có 100% đạt yêu cầu trong đó có 75% khá, giỏi.

**-** Hoàn thành tốt nhiệm vụ QS-QP năm do Ban CHQS huyện giao.

\* Thực hiện chặt chẽ nề nếp, quy trình công tác tuyển quân, hoàn thành 100% chỉ tiêu giao quân cả về số lượng và chất lượng. Đạt chỉ tiêu đoàn viên tham gia nhập ngũ do địa phương (tỉnh, huyện) và Quân khu giao. Không để xảy ra sai sót do lỗi chủ quan trong quy trình tuyển chọn công dân nhập ngũ, không có quân nhân đào, bỏ ngũ.

Quản lý và tham mưu, phối hợp giải quyết việc làm cho Đảng viên là quân nhân xuất ngũ về địa phương; tuyệt đối không để đảng viên xuất ngũ xin ra khỏi Đảng. (ĐẠT)

- Thực hiện tốt các bước tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và tham gia nghĩa vụ CAND năm 2021. Kết quả giao quân 16/16, đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Không có quân nhân nào đào, bỏ ngũ.

- Tham mưu phối hợp giải quyết cho 7 đ/c trong LL DBĐV có việc làm tại các công ty, xí nghiệp. Không có đảng viên nào xin ra khỏi Đảng.

\* Tham mưu cho địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện tốt Đề án 1279/ĐA-BCH ngày 21/9/2013 về tổ chức xây dựng và hoạt động của LLQB giai đoạn 2013-2015 và những năm tiếp theo; tổ chức LLQB, LL chính trị nòng cốt và tổ chức LLDQ thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền xử lý tốt các tình huống xảy ra.

Phối hợp với công an xã thực hiện tốt Nghị định 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính Phủ và Nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ, các hướng dẫn của Bộ Quốc Phòng, Quân khu, Bộ CHQS tỉnh, Ban CHQS huyện, thị xã, thành phố về tổ chức lực lượng, phương tiện tuần tra sau 21h00, góp phần giữ vững ANCT- TTATXH trên địa bàn. Tích cực tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, cứu sập. (ĐẠT)

- Tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động QBND năm 2021 và tổ chức lực lượng mật, lực lượng chính trị nòng cốt và lực lượng dân quân nắm hộ dân trên địa bàn xã. Kết quả năm 2021 tình hình trên địa bàn ổn định.

- Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ đúng theo quy định, thông tin liên lạc thông suốt và kịp thời; bảo đảm quân số thường xuyên trực và SSCĐ theo cao điểm.

- Công tác PCLB, PCCR, PCCN được triển khai chặt chẽ cho cán bộ, chiến sỹ luôn nêu cao ý thức trách nhiệm tinh thần cảnh giác SSCĐ, phòng chống cháy nổ, phòng chống thiên tai trong mọi tình huống theo kế hoạch đã xác định. Duy trì thường xuyên luyện tập các phương án SSCĐ, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ, cháy nổ, cháy rừng được 04 lần, có 33 lượt cán bộ chiến sĩ tham gia.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa hai lực lượng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ ANQG, giữ gìn TTXH tại địa phương theo Nghị định 03/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính Phủ với tổng số lượt tuần tra trong năm 2021 là 385 lượt và Nghị định 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

**-** Phối hợp CA xã, ấp đội tổ chức tuần tra canh gác giữ vững ổn định tình hình ANCT-TTATXH trên địa bàn 456 lượt LLDQ tham gia.

**\* Thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ chiến sĩ; bảo đảm 100% dân quân và QNDB có bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, quan điểm, chính sách pháp luật của nhà nước, địa phương. Quản lý chặt chẽ tình hình chính trị nội bộ trong đơn vị; duy trì tốt hoạt động xây dựng nền nếp ngày tuần, lễ tiết tác phong làm việc của dân quân, DBĐV (tập trung huấn luyện, diễn tập, luyện tập); duy trì nghiêm kỷ luật, quy định, đơn vị không để xảy ra kỷ luật phải xử lý. (ĐẠT)**

**-** Lực lượng dân quân và DBĐV năm 2020 - 2021 chấp hành tốt công tác điều động huấn luyện theo kế hoạch của trên, 100% lực lượng cóbản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng tuyệt đối vào đường lối, quan điểm, chính sách pháp luật của nhà nước, địa phương.

**-** Tình hình chính trị nội bộ trong đơn vị ổn định, luôn duy trì tốt hoạt động xây dựng nền nếp ngày tuần, lễ tiết tác phong làm việc của dân quân.

**-** Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ đúng theo quy định, thông tin liên lạc thông suốt và kịp thời; bảo đảm quân số thường xuyên trực và SSCĐ theo cao điểm.

**\* Tiếp tục củng cố, sửa chữa trụ sở làm việc, nơi ăn nghỉ, phương tiện sinh hoạt đảm bảo môi trường xanh sạch đẹp, trang phục thống nhất đúng quy định theo đề án 1740 ngày 25/5/2017 của UBND tỉnh. Tích cực TGXS, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ chiến sĩ DQTT, bảo đảm chi ăn thêm 10.000đ/người/ngày. (ĐẠT)**

**-** Vệ sinh môi trường xanh sạch đẹp tại đơn vị được thực hiện thường xuyên.

**-** Đảm bảo nơi ăn ở và làm việc của Ban CHQS và LLTT.

**-** Duy trì tốt cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Tích cực thực hiện tốt công tác tăng gia sản xuất quanh bếp quanh nhà đảm bảo 10.000đ/người/ngày đưa vào bữa ăn hàng ngày.

- Duy trì thường xuyên bếp ăn tập thể bảo đảm thoáng mát, sạch, chất lượng bữa ăn hằng ngày có nâng lên thực hiện đúng chế độ công khai tài chính, kiểm tra số lượng, chất lượng không để xảy ra ngộ độc lương thực, thực phẩm dịch bệnh.

- Ban CHQS xã đã trang bị 06 bộ quân tư trang cho CHT, CTV, CTVP; 18 bộ quân tư trang cho 09 đ/c LLDQTT (02 bộ/năm/người); 06 bộ quân tư trang cho ấp đội trưởng (01 bộ/năm/người) và 28 bộ quân tư trang cho trung đội DQCĐ (01 bộ/năm/người).

**\* Trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện cho lực lượng dân quân thường trực làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống biểu tình, bạo loạn, phòng chống cháy nổ (theo đúng Đề án 1740 ngày 25/05/2017 của UBND tỉnh). (ĐẠT)**

- Biên chế VKTB có 06 khẩu (1 khẩu K63, 02 khẩu CKC, 3 khẩu AR15) theo đồng bộ, được lau chùi bảo quản thường xuyên. Tủ súng, đạn được niêm phong đúng theo quy định.

- Ngoài VKTB, công cụ hổ tợ được cấp, Ban CHQS xã đã tham mưu cho Đảng uỷ-UBND xã mua sắm thêm áo chống đâm, dùi cui, khiêng phòng chống biểu tình, bạo loạn trang bị đồng bộ bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ.

Hàng năm Đảng ủy xã đều có Nghị quyết chuyên đề về công tác bảo đảm trật tự an toàn xã hội và đảm bảo quốc phòng toàn dân; UBND xã có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện.

UBND xã chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ quốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân xã và các chương trình phối hợp tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phòng chống tội phạm và tham gia quản lý giáo dục, giúp đỡ người vi phạm pháp luật tại gia đình, cộng đồng dân cư, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc. Tập trung đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác nghiệp vụ của lực lượng công an, quản lý các đối tượng, địa bàn trọng điểm. Tiếp tục đổi mới nâng cao hiệu quả các biện pháp quản lý hành chính về trật tự xã hội. Công tác tuyển quân và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dân quân thường trực được quan tâm thực hiện tốt.

Hàng năm vận động, thành lập thêm các Đội dân phòng, thanh niên xung kích tại các ấp.

**c) Đánh giá kết quả thực hiện:** Kết quả thực hiện tiêu chí số 19: Đạt.

**5. Về tình hình nợ động xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao của xã Phước Bình.**

**a) Công tác huy động nguồn lực:**

Tổng nguồn lực xây dựng nông thôn mới mà địa phương đã huy động được là 640.132.652.921đồng. Trong đó:

*\* Trong đó phân theo nguồn:*

- Nguồn kinh phí tỉnh: 1.799.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 0,28%;

- Nguồn kinh phí huyện: 268.739.152.410 đồng, chiếm tỷ lệ 41,98%;

- Nguồn kinh phí xã: 1.805.340.000 đồng chiếm tỷ lệ 0,28%;

- Nguồn từ tính dụng: 80.302.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 12,54%;

- Nguồn từ các Tổ chức Doanh nghiệp và Nhân dân đóng góp: 287.487.160.511đồng, chiếm tỷ lệ 44,91%.

Nguồn vốn huy động chiếm tỷ lệ cao nhất là nguồn từ các Tổ chức, Doanh nghiệp, nhân dân đóng góp: 287.487.160.511 đồng, chiếm tỷ lệ 44,91% tổng nguồn lực đã huy động. Việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng mục đích đã góp phần rất lớn trong việc ổn định và phát triển kinh tế xã hội địa phương trong suốt thời gian qua.

b) Tình hình nợ đọng trong xây dựng cơ bản trên địa bàn xã:

Từ năm 2019 đến nay,UBND xã Phước Bình đã đầu tư 18 tuyến đường trục thôn xóm, đường ngõ xóm theo hình thức xã hội hóa và sữa chữa nhà văn hóa 04 ấp. Đến nay, các công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán xong.

Đối với 6 công trình nâng cấp 6 tuyến đường trục xã, liên xã đang trong giai đoạn hoàn chỉnh hồ sơ chuẩn bị đầu tư, sau thi công hoàn thiện, nghiệm thu đưa vào sử dụng, UBND xã sẽ hoàn tất hồ sơ quyết toán theo quy định.

Do đó, từ năm 2019 đến nay, trên địa bàn xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản.

**6. Về Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trong thời gian tới.**

Tiếp tục duy trì và nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao đã đạt. Tiếp tục xây dựng các khu dân cư kiểu mẫu, trong đó năm 2023, phấn đấu xây dựng được 01 khu dân cư kiểu mẫu . Trong giai đoạn 2023 - 2025, nhân rộng mô hình khu dân cư kiểu mẫu ra các ấp trên địa bàn xã.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, phát triển nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

Tiếp tục duy trì thực hiện các tuyến đường “sáng - xanh - sạch - đẹp”, đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan, diện mạo nông thôn của xã.

Không ngừng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng để tạo được sự tin tưởng của nhân dân vào đường lối, chủ trương của Đảng, chú trọng phát triển Đảng trong lực lượng nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Tổ chức tốt việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực, kiến thức cho cán bộ nông nghiệp, nông thôn. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về quá trình xây dựng và phát triển nông thôn là nhiệm vụ mang tính cấp bách cũng như lâu dài trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Phối hợp với các ngành chức năng cấp trên có chính sách phù hợp hỗ trợ cho nông dân như: vay vốn, dạy nghề, khuyến nông... hàng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm việc chỉ đạo tổ chức thực hiện để bổ sung nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục chỉ đạo trong thời gian tới.

Phát huy vai trò và sự phối hợp của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội nhất là vai trò tổ chức Hội Nông dân trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia thực hiện các kế hoạch nông thôn mới tại địa phương, hướng dẫn, giúp đỡ các mô hình sản xuất hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tiễn và nhu cầu tại địa phương.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Mặt trận và các đoàn thể cần phát huy tốt vai trò chủ động vận động nhân dân thực hiện và giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở góp phần xây dựng nông thôn phát triển đúng hướng.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền thi đua xây dựng nông thôn mới nâng kiểu mẫu đến từng người dân bằng nhiều hình thức thiết thực, để nhân dân hiểu rõ vai trò chủ thể trong công cuộc xây dựng nông thôn mới. Vân động nhân dân đổi mới cách thức sản xuất, nâng cao thu nhập, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường trong nhà, ngoài ngõ, trong khu phố xanh, sạch, đẹp, không có tệ nạn.

**II. KẾT LUẬN.**

**1.** Về hồ sơ: UBND xã Phước Bình thực hiện hồ sơ đảm bảo đúng quy đạt và đạt yêu cầu theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

**2.** Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Phước Bình đã được UBND huyện Long Thành thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

- 19/19 tiêu chí đã được các phòng, ban, đơn vị thẩm tra và trình UBND huyện có quyết định công nhận đạt.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- UBND xã Phước Bình không có tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản.

**III. KIẾN NGHỊ**

Qua kết quả thẩm tra 19 tiêu chí xây dựng nông thôn nâng cao của xã Phước Bình đã thực hiện. Đối chiếu với các quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và Quyết định số 1753/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020. UBND huyện Long Thành đề nghị xét công nhận xã Phước Bình đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022.

Trên đây là báo cáo thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2022 đối với xã Phước Bình, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - VP UBND tỉnh Đồng Nai;  - Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Văn phòng điều phối NTM tỉnh;  - TT.HU; TT. HĐND huyện;  - CT, các PCT UBND huyện;  - VP HĐND&UBND huyện;  - Thành viên BCĐ huyện;  - Phòng Kinh tế huyện;  - Lưu: VT | **TM. UBND HUYỆN LONG THÀNH**  **CHỦ TỊCH**  **Lê Văn Tiếp** |